



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN PHỔ WALL**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2017**

**Hà Nội, Tháng 4 Năm 2018**

## MỤC LỤC

<b>BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN.....</b>	<b>1</b>
<b>I. THÔNG TIN CHUNG.....</b>	<b>2</b>
1. Thông tin khái quát.....	3
2. Quá trình hình thành phát triển.....	4
3. Ngành nghề kinh doanh.....	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	5
5. Định hướng phát triển.....	5
6. Các loại rủi ro.....	6
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....</b>	<b>8</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	8
2. Tổ chức và nhân sự.....	9
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....	13
4. Tình hình tài chính.....	14
5. Cơ cấu cổ đông.....	15
6. Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	18
<b>III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....</b>	<b>20</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017.....	20
2. Tình hình tài chính.....	22
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý.....	24
4. Kế hoạch phát triển trong thời gian tới.....	24
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY.....</b>	<b>27</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động Công ty.....	27
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban Tổng Giám đốc Công ty.....	28
3. Các định hướng kế hoạch của Hội đồng quản trị.....	29
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....</b>	<b>29</b>
1. Hội đồng quản trị.....	30
2. Ban kiểm soát.....	32
3. Thù lao, lương, thưởng các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty.....	32
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2017.....</b>	<b>33</b>
1. Ý kiến kiểm toán.....	33
2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017.....	35

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall được chính thức thành lập theo Giấy phép số 86/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/12/2007; Giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh số 303/UBCK – GP cấp ngày 24/2/2010 với các nghiệp vụ: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán, Bảo lãnh phát hành và Lưu ký chứng khoán.

Cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall là các doanh nghiệp danh tiếng có tiềm lực tài chính lớn, gồm có: Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu viễn thông, Tổng Công ty Đức Giang, và một số cổ đông cá nhân có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Ngoài ra, WSS còn nhận được sự quan tâm chiến lược từ nhiều tổ chức tài chính trong nước và quốc tế.

Giới thiệu về Công ty:

- **Tên Công ty:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall
- **Tên Tiếng Anh:** Wall Street Securities Company
- **Logo:**



- **Vốn điều lệ:** 503.000.000.000 VND (*Năm trăm lẻ ba tỷ đồng*)
- **Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2017:** 547.101.725.943 VND (*Năm trăm bốn mươi bảy tỷ, một trăm linh một triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn, chín trăm bốn mươi ba đồng*)
- **Trụ sở chính:** Tầng 9, Toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội
- **Điện thoại:** (84.4) 3824 8686/ 3936 7083 Fax: (84.4) 3936 7082
- **Email:** [info@wss.com.vn](mailto:info@wss.com.vn)
- **Website:** <http://www.wss.com.vn>
- **Mã số thuế:** 0102590252
- **Mã cổ phiếu:** WSS
- **Thời gian hoạt động của Công ty:** Không giới hạn

## **2. Quá trình hình thành phát triển**

- Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall chính thức đi vào hoạt động từ ngày 20/12/2007 theo Giấy phép số 86/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Ngày 30/1/2008, WSS trở thành thành viên giao dịch thứ 65 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 45/QĐ-TTGDHN.
- Ngày 29/2/2008, Tổng Giám đốc Trần Đắc Sinh đã ký Quyết định số 73/QĐ-SGDHCM chấp nhận WSS là thành viên giao dịch thứ 73 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.
- Tháng 11/2009, WSS thực hiện chào bán 19,8 triệu cổ phiếu ra công chúng tang,tăng vốn Điều lệ từ 168 tỷ đồng lên 366 tỷ đồng.
- Ngày 15/12/2009, WSS chính thức niêm yết 16,8 triệu cổ phiếu trên SGDCK Hà Nội.
- Ngày 1/6/2010, Chi nhánh Sài Gòn của Chứng khoán Phố Wall chính thức khai trương tại địa chỉ số 255 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM.
- Ngày 09/7/2010, Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall (WSS) ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với Công ty Chứng khoán Alba-ace (Nhật Bản).
- Ngày 8/8/2010, Chứng khoán Phố Wall khai trương Phòng Giao dịch Hoàn Kiếm tại địa chỉ 46 Ngô Quyền, Hà Nội.
- Ngày 25/01/2011, WSS được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh-Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 07/GPĐC- UBCKNN với số vốn điều lệ là 503.000.000.000 đồng.

## **3. Ngành nghề kinh doanh**

### **3.1. Ngành nghề kinh doanh**

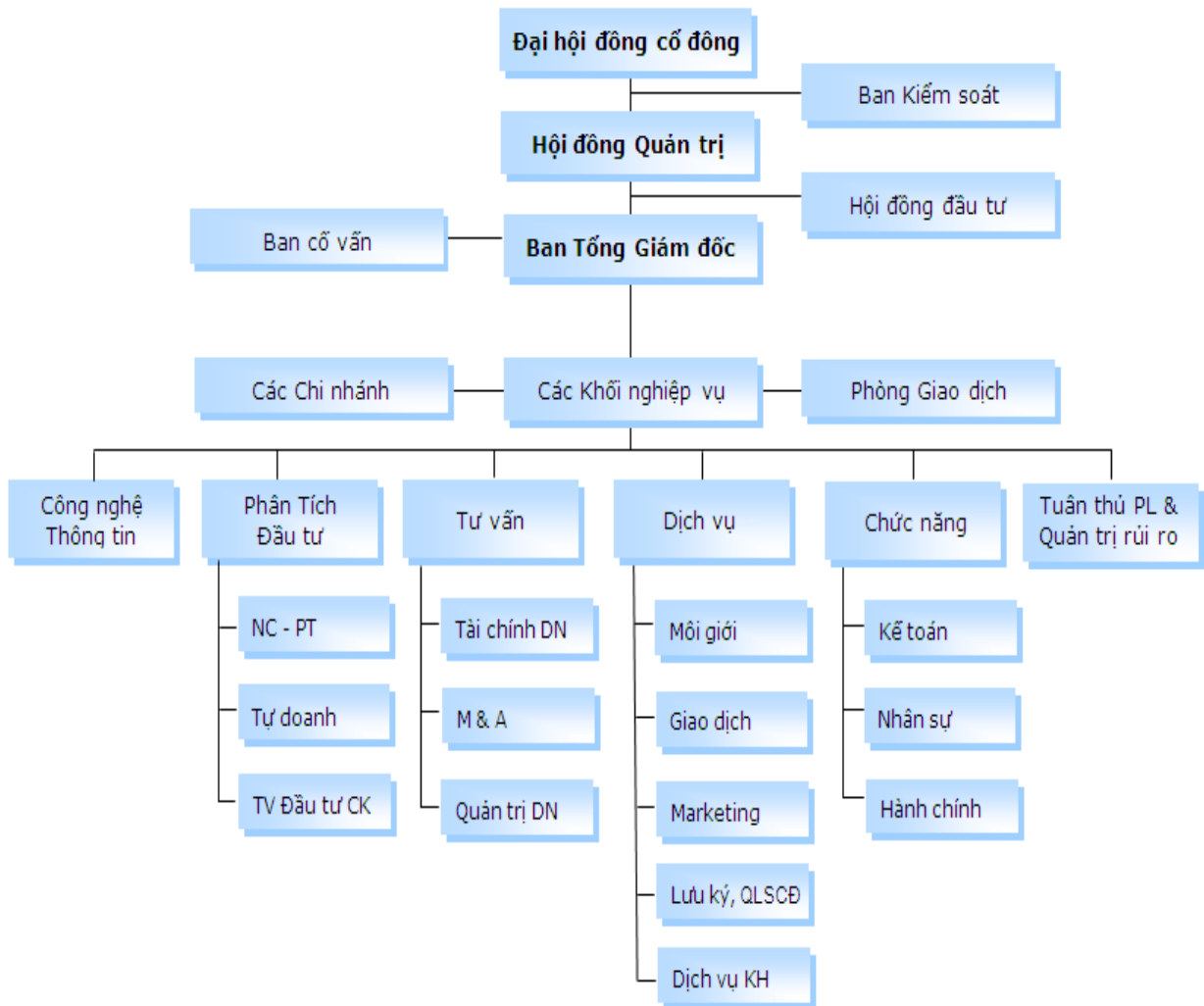
- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán
- Nghiên cứu – phân tích
- Tư vấn thu tóm và sáp nhập doanh nghiệp (M&A)
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp
- Dịch vụ hỗ trợ tài chính
- Bảo lãnh phát hành

### 3.2. Địa bàn kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty trải khắp cả nước tuy nhiên hiện nay chủ yếu công ty tập trung hoạt động mạnh tại Hà Nội.

## 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

### 4.1. Sơ đồ tổ chức mô hình quản trị, bộ máy quản lý công ty



### 4.2. Công ty con, công ty liên kết: Không có

## 5. Định hướng phát triển

### 5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Xây dựng thị trường chứng khoán, quan hệ hợp tác hiệu quả, bền vững và minh bạch; làm cầu nối giữa các nhà đầu tư trong, ngoài nước, các định chế tài chính và các doanh nghiệp nhằm mang lại lợi ích tối đa cho khách hàng, cán bộ nhân viên và cổ đông của Công ty;
- Xây dựng và gìn giữ uy tín của công ty bằng sự chuyên nghiệp, chính trực và cẩn trọng

trong từng hành động;

- Chăm lo, bồi dưỡng nâng cao năng lực các thành viên Công ty nhằm xây dựng tập thể trình độ chuyên nghiệp cao, đoàn kết và có tinh thần đồng đội.

### **5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Thu hút và xây dựng đội ngũ nhân lực có trình độ cao, giàu kinh nghiệm;
- Tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm phát triển của công ty chứng khoán thành công trên thế giới để trở thành công ty chứng khoán hàng đầu của Việt Nam;
- Phát triển mạng lưới chi nhánh, đại lý trong toàn quốc, xây dựng văn phòng đại diện tại một số nước trong khu vực và trên thế giới;
- Không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Phát triển thêm những sản phẩm, dịch vụ mới nhằm mang lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng;
- Đẩy mạnh hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp, sáp nhập và mua bán doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành, hướng tới trở thành Ngân hàng đầu tư hàng đầu của Việt Nam;
- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại làm nền tảng cho các hoạt động của Công ty.

### **5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững**

- Công ty luôn coi các vấn đề về Con người, Môi trường và Xã hội là nền tảng để phát triển bền vững.
- Công ty luôn sẵn sàng và chủ động tham gia các kế hoạch hành động liên quan hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, nâng cao tính công khai – minh bạch của thị trường chứng khoán
- Công ty xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tiêu dùng sản phẩm với mục tiêu Bảo vệ Môi trường, biến bảo vệ môi trường thành một thói quen, một lối sống trong Công ty bằng những chính sách về: Tiết kiệm năng lượng điện, Sử dụng giấy tiết kiệm, Phân loại rác vô cơ và hữu cơ, chiến dịch xanh hóa văn phòng công sở.
- Công ty luôn đề cao tinh thần về cộng đồng, trợ giúp các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội. Hàng năm, CBCNV Công ty đều tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện, hỗ trợ giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt là các đồng bào vùng cao, dân tộc thiểu số.

## **6. Các loại rủi ro**

### **6.1. Biến động về tăng trưởng kinh tế**

Tăng trưởng kinh tế là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường chứng khoán. Nền kinh tế tăng trưởng tốt cùng với những triển vọng sáng sủa sẽ kéo theo sự tăng

trường và phát triển của trường chứng khoán, ngược lại khi có mối đe dọa đến sự ổn định và phát triển kinh tế, thị trường chứng khoán ắt sẽ có phản ứng tiêu cực, đó là sự suy giảm cả về chỉ số giá, cả về tính thanh khoản của thị trường. Hoạt động của các công ty chứng khoán trong một chừng mực nào đó sẽ bị ảnh hưởng.

## **6.2. Lạm phát**

Nền kinh tế phát triển thường đi đôi với lạm phát. Tuy nhiên, lạm phát cao lại là nguy cơ gây bất ổn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, do đó tác động tiêu cực đến thị trường chứng khoán và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

## **6.3. Rủi ro lãi suất**

Lãi suất là một yếu tố rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm, và đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng, cũng như các nhà đầu tư chứng khoán.

Đối với các Công ty chứng khoán tham gia thị trường với tư cách là một nhà đầu tư chứng khoán, khi lãi suất tăng sẽ bị rủi ro vì giá cổ phần sụt giảm do tác động kép từ hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp giảm và dòng vốn vào thị trường chứng khoán giảm sút.

## **6.4. Rủi ro khác**

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của toàn bộ thị trường chứng khoán cũng như hoạt động riêng của WSS.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1. Kết quả hoạt động sản xuất trong năm 2017

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Tỷ lệ hoàn thành (%)
Doanh thu	31.239.147.480	62.303.257.612	199,44%
Chi phí	24.788.161.519	47.174.524.420	190,31%
Lợi nhuận trước thuế	6.450.985.961	15.128.733.192	234,52%
Lợi nhuận sau thuế	6.450.985.961	15.128.733.192	234,52%
Cổ tức (%)	-	-	-
EPS	128	301	234,52%

#### 1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị: 1.000.000 VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện		Kế hoạch 2017	Tỷ lệ thực hiện 2017	
	2016	2017		So với Kế hoạch	So với 2016
Doanh thu	38.863	62.303	31.239	199,44%	160,32%
Chi phí	33.909	47.175	24.788	190,31%	139,12%
Lợi nhuận trước thuế	4.954	15.129	6.451	234,52%	305,40%
Cổ tức (%)	-	-	-	-	-
EPS (VNĐ/1 CP)	98	301	128	234,52%	307,14%

Hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty có nhiều chuyển biến tích cực so với năm 2016 cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu của Công ty năm 2017 đạt 62,3 tỷ đồng tăng 60% so với năm 2016 và bằng 200% so với kế hoạch đề ra (theo kế hoạch tổng doanh thu của Công ty đạt 31,2 tỷ đồng). Trong đó trước những diễn biến thuận lợi của nền kinh tế vĩ mô và thị trường trong nước, Ban lãnh đạo Công ty đã có những quyết định đầu tư đúng đắn, nhờ đó doanh thu từ lãi các khoản tài chính của Công ty đạt 32,3 tỷ đồng tăng gấp 7 lần so với năm 2016. Trong khi, Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính, hoạt động lưu ký chứng khoán... đều tăng so với năm 2016 và vượt mức kế hoạch đề ra thì doanh thu môi giới lại giảm nhẹ và chỉ đạt khoảng 4 tỷ đồng (bằng 56% kế hoạch đề ra). Trong năm Ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực



đẩy mạnh hoạt động môi giới khi thị trường chứng khoán phục hồi mạnh mẽ, tuy nhiên bộ phận môi giới của Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh với những Công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn là nguyên nhân dẫn tới kết quả hoạt động môi giới của Công ty chưa đạt kỳ vọng và kế hoạch đề ra.

- Doanh thu tăng so với năm 2016 cùng với đó Ban lãnh đạo đã có những sự chỉ đạo kiểm soát tình hình chi phí của Công ty khiến lợi nhuận của Công ty tăng mạnh so với năm 2016. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 15,1 tỷ đồng tăng 205% so với 2016 và vượt 135% so với kế hoạch đề ra.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Ban điều hành

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc theo các lĩnh vực do Tổng Giám đốc phân công.

Trong năm 2017, Ban Tổng Giám đốc Công ty có sự thay đổi về thành viên khi Bà Phạm Diễm Hoa có đơn từ nhiệm. Sau đó, Hội đồng quản trị đã họp và thống nhất thông qua đơn từ nhiệm của Bà Phạm Diễm Hoa và bổ nhiệm Ông Nguyễn Đăng Trường giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty. Thông tin sơ lược về Ban Tổng Giám đốc Công ty:

#### 2.1.1 Tổng Giám đốc

<b>Họ và tên</b>	<b>: NGUYỄN ĐĂNG TRƯỜNG</b>
Ngày sinh	: 07/10/1981
Giới tính	: Nam
Nơi sinh	: Bắc Ninh
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số CMTND	: 027081000244, ngày cấp: 17/05/2016, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQLCT & DLQG về Dân cư
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	: Số 2 ngách 28/2 Ông Ích Khiêm, phường Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội
Chỗ ở hiện tại	: Số 6 Tông Đản, phường Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, HN
Điện thoại cơ quan	: 04.39367083
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ

<b>Quá trình công tác:</b>	
+ Từ 2004 – 2009	Chuyên viên – Viện KHCN – Bộ GTVT
+ Từ 2009-2013	Giám đốc – Công ty CP Đầu tư xây dựng Vinalinks
+ Từ 2013-2014	Giám đốc kinh doanh – Công ty CP Đầu tư VGX
+ Từ 05/2016-09/2017	Phó Giám đốc – CTCP Thực phẩm Hà Nội
+ Từ 2014-T10/2017	Trưởng phòng Tư vấn TCDN, Giám đốc khối đầu tư CTCP Chứng khoán Phố Wall
+ Từ T10/2017- nay	Tổng Giám đốc – CTCP Chứng khoán Phố Wall
Chức vụ hiện nay	: Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ	: 0 cổ phần
<b><i>Trong đó</i></b>	
- Cổ phần phổ thông	: 0 cổ phần
- Cổ phần ưu đãi biểu quyết	: 0 cổ phần
Số cổ phần của những người có liên quan	: 0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	: Không
Các khoản nợ đối với công ty	: Không
Lợi ích liên quan đến công ty	: Không

### **2.1.2 Phó Tổng Giám đốc**

<b>Họ và tên</b>	<b>: NGUYỄN VIỆT THẮNG</b>
Ngày sinh	: 19/9/1984
Giới tính	: Nam
Nơi sinh	: Hà Nội
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số CMTND	: 012222383, ngày cấp: 19/04/1999, nơi cấp: Hà Nội
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	: 302 Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Chỗ ở hiện tại	: 20A Lô 3 Đền Lừ II, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại cơ quan	: 04.39367083
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân chuyên ngành tài chính
Quá trình công tác	Từ tháng 5/2008 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall.
Chức vụ hiện nay	: Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ tại các tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ	: 0 cổ phần
<i>Trong đó</i>	
- Cổ phần phổ thông	: 0 cổ phần
- Cổ phần ưu đãi biểu quyết	: 0 cổ phần
Số cổ phần của những người có liên quan	: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	: Không
Các khoản nợ đối với công ty	: Không
Lợi ích liên quan đến công ty	: Không

## 2.2. Cơ cấu và chính sách lao động của Công ty

### *Cơ cấu lao động của Công ty năm 2017*

Trình độ học vấn	Tổng cộng
- Trên đại học	6
- Đại học	34
- Cao đẳng, trung cấp, PTTH	3
<b>Tổng cộng</b>	<b>43</b>

Sang năm 2017, Công ty có kế hoạch duy trì quy mô và cơ cấu nhân sự như hiện nay, trong trường hợp cần thiết, có thể chỉ bổ sung số lượng không lớn.

#### **Chính sách lao động của Công ty:**

##### **Thời gian làm việc**

Công ty tổ chức làm việc 8 giờ mỗi ngày, 5 ngày mỗi tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ hợp đồng, dự án hoặc các công việc đột xuất cần giải quyết gấp thì Công ty bố trí làm thêm giờ. Công ty có chính sách phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà

nước với mức đãi ngộ thỏa đáng nhằm ghi nhận đóng góp của các nhân viên trong Công ty.

### **Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết**

Cán bộ công nhân viên toàn Công ty được nghỉ lễ, tết theo đúng Quy định của Luật Lao động, CBCNV có thâm niên công tác từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép.

### **Điều kiện làm việc**

Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho nhân viên. Tạo điều kiện tốt nhất phục vụ cho công việc của từng bộ phận trong Công ty. Luôn đáp ứng đầy đủ nhu cầu chính đáng của tất cả cán bộ công nhân viên trong thời gian sớm nhất.

### **Chính sách thu hút nhân tài**

WSS dành chính sách lương, thưởng và nhiều chế độ đãi ngộ cho các cán bộ, chuyên viên giỏi, có nhiều đóng góp cho sự phát triển của nhằm tạo sự khuyến khích tinh thần làm việc, nâng cao chất lượng công việc. Mặt khác, đây cũng là cách thu hút nhân lực chất lượng cao làm việc tại Công ty.

### **Đào tạo nâng cao trình độ**

Công ty chú trọng việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và đa dạng nghiệp vụ cho nhân viên thông qua việc thường xuyên cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ tổ chức trong và ngoài nước.

### **Chính sách thưởng**

Quy định khen thưởng áp dụng đối với toàn thể nhân viên có thành tích trong lao động và nghiêm chỉnh thực hiện Quy định làm việc này. Cụ thể như sau:

- Được tuyên dương trước toàn Công ty;
- Được cân nhắc áp dụng các chế độ khen thưởng như: thưởng đột xuất, thưởng tháng, thưởng quý, thưởng năm bằng tiền mặt hoặc cổ phần của Công ty và áp dụng chế độ nâng lương (theo Quy chế tiền lương, thưởng của Công ty);
- Được tham gia các khoá đào tạo chuyên môn miễn phí theo yêu cầu của công việc;
- Được hưởng chế độ đãi ngộ khác như: đi tham quan nghỉ mát (trong nước và nước ngoài) căn cứ vào tình hình hoạt động của Công ty v.v...

## **Chính sách lương**

Chính sách lương của WSS đảm bảo cho người lao động được hưởng tất cả các chế độ theo quy định của pháp luật, phù hợp với năng lực, trình độ của từng người. Ngoài lương cơ bản, nhân viên còn được hưởng lương, thưởng công việc theo năng suất và hiệu quả công việc.

## **Bảo hiểm và phúc lợi**

WSS thực hiện việc trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội theo đúng Quy định của pháp luật. Ngoài ra, Công ty đã ký hợp đồng với nhiều phòng khám đa khoa tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra sức khỏe hàng năm cho toàn bộ CBCNV. Cũng từ nguồn kinh phí của Quỹ phúc lợi, hàng năm công ty tổ chức cho toàn bộ nhân viên đi nghỉ mát tại một số khu du lịch cao cấp trong nước. Chính các hoạt động này đã góp phần gắn kết và tăng cường tính tập thể và xây dựng nên một tập thể nhân viên vững mạnh.

## **Tuân thủ nội quy và quy chế làm việc**

Tất cả các cá nhân trong Công ty luôn nghiêm túc tuân thủ mọi Quy chế tổ chức hoạt động của Công ty, của pháp luật về lao động được bộ Luật Lao động qui định như: ký hợp đồng lao động trực tiếp với người lao động, tuân thủ mọi qui định về nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

## **3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án**

### **3.1. Đầu tư và dự án**

Các khoản đầu tư dài hạn của WSS trong năm 2017 cơ bản vẫn được duy trì. Các khoản đầu tư lâu dài đảm bảo tuân thủ chặt chẽ yêu cầu: an toàn, hiệu quả.

#### **Đầu tư dài hạn vào Tổng Công ty Đức Giang**

Công ty đã đầu tư tài chính dài hạn với số lượng 926.680 cổ phần tương ứng 9.266.800.000 đồng (giá trị đầu tư 48.268.949.120 đồng) vào Tổng công ty Đức Giang. Tổng Công ty Đức Giang có vốn điều lệ: 71.811.600.000 đồng, vốn chủ sở hữu: 233.082.819.080 đồng.

#### **Đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Đô thị Phố Wall**

Công ty đã đầu tư dài hạn vào Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Đô thị Phố Wall số tiền là 14.000.000.000 đồng.

#### **Đầu tư vào Công ty Cổ phần Khu nghỉ dưỡng và Sân golf Đầm Vạc**

Công ty đầu tư tổng số tiền 32.253.027.112 đồng vào Công ty Cổ phần Khu nghỉ dưỡng và sân golf Đầm Vạc, đơn vị đang sở hữu Sân golf Đầm Vạc và bất động sản liền kề. Tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khu nghỉ dưỡng và sân golf Đầm Vạc hiện nay là 391 tỷ đồng.

Hoạt động kinh doanh của Công ty đã dần dần ổn định, doanh thu thường xuyên cơ bản đủ bù đắp chi phí.

### **Đầu tư vào Công ty cổ phần Điện máy**

Công ty đầu tư 3.000.000.000 đồng vào Công ty cổ phần Điện máy. CTCP Điện máy sau khi thực hiện cổ phần hoá có mức vốn điều lệ là 86.900.000.000 đồng.

### **Đầu tư vào Công ty cổ phần Thực phẩm Hà Nội**

Công ty đã đầu tư 2.464.000 cổ phần tương đương 24.640.000.000 đồng theo mệnh giá (tổng giá trị đầu tư tương ứng là 82.824.088.189 đồng) vào Công ty cổ phần Thực phẩm Hà Nội. CTCP Thực phẩm Hà Nội hiện có vốn điều lệ là 145 tỷ đồng.

### **Đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế**

Công ty đã đầu tư 1.800.000 cổ phần tương đương 18.000.000.000 đồng theo mệnh giá (tổng giá trị đầu tư là 65.000.000.000 đồng) vào Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (ILS), hiện ILS có vốn điều lệ là 360.000.000.000 đồng.

## **3.2. Công ty con, công ty liên kết: Không có**

## **4. Tình hình tài chính**

### **4.1. Tình hình tài chính**

*Đơn vị: đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>% tăng giảm</b>
Tổng giá trị tài sản	535.980.916.724	593.551.079.282	10,74%
Doanh thu thuần	38.166.069.876	<b>62.057.872.979</b>	62,60%
Lợi nhuận từ hoạt động HĐKD	4.650.411.334	16.081.621.293	245,81%
Lợi nhuận khác	303.406.482	(952.888.101)	-414,06%
Lợi nhuận trước thuế	4.953.817.816	<b>15.128.733.192</b>	205,40%
Lợi nhuận sau thuế	4.953.817.816	<b>15.128.733.192</b>	205,40%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

### **4.2. Các chỉ tiêu về tài chính chủ yếu**

<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	lần	114,91	12,11
+ Hệ số thanh toán nhanh [(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]		114,91	12,11
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			

+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,75	7,83
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	3,4	8,49
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho BQ)	lần	-	-
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	7,15	10,99
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	12,98	24,38
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	0,94	2,80
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,93	2,68
+ Tỷ suất Lợi nhuận HỖSXKD/Doanh thu thuần	%	12,18	24,38
+ Thu nhập trên vốn cổ phần (EPS)	VNĐ/cp	98	301

## 5. Cơ cấu cổ đông

### 5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 50.300.000 cổ phần (năm mươi triệu lẻ ba trăm nghìn)

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 50.300.000 cổ phần (năm mươi triệu lẻ ba trăm nghìn)

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: không có

### 5.2. Cơ cấu cổ đông

#### 5.2.1 Cơ cấu vốn của Công ty tính đến ngày 10/04/2018

STT	Cổ đông	Số cổ phần	VĐL hiện tại (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Cổ đông phổ Thông</b>	<b>50.300.000</b>	<b>503.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>
<b>2</b>	<b>Cổ đông trong nước và nước ngoài</b>	<b>50.300.000</b>	<b>503.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>
2.1	Cổ đông trong nước	49.086.500	490.865.000.000	97,59%
2.2	Cổ đông nước ngoài	1.624.300	16.243.000.000	2,41%
<b>3</b>	<b>Cổ đông là tổ chức và cá nhân</b>	<b>50.300.000</b>	<b>503.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>
3.1	Cổ đông là tổ chức	2.625.300	26.253.000.000	5,22%
3.2	Cổ đông cá nhân	47.674.700	476.747.000.000	94,78%
<b>4</b>	<b>Cơ cấu vốn</b>	<b>50.300.000</b>	<b>503.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>
4.1	Cổ đông lớn (trên 5%)	19.383.206	193.832.060.000	38,54%
4.2	Cổ đông nắm giữ từ 1% -5%	20.045.192	200.451.920.000	39,85%
4.3	Cổ đông nắm giữ dưới 1%	10.871.602	108.716.020.000	21,61%

### 5.2.2. Thông tin về cổ đông nước ngoài tính đến 10/04/2018

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Chung Jae Kang	103-602, Kangbyeonwooseung APT, 546-7 Guui-dong, Gwangjin – gu, Seoul, Korea	226.000	2.260.000.000	0,45%
2	EUN JA KANG	896 Apoche Road, Franklin Lakes, NJ.07417 U.S.A	330.000	3.300.000.000	0,66%
3	Hsu Wen Lung	220/52 Âu Cơ, P.9, Q. Tân Bình, TPHCM	1.000	10.000.000	0,00%
4	Kim Sung Ja	354-27, Naedang-dong, Seo-gu, Daegu-city, Korea	4.000	40.000.000	0,01%
5	KISHIMOTO KAZUO	222 Sakanao, Sakaemachi, Inba-gun, Chiba 270-1513, Japan	50.100	501.000.000	0,10%
6	Kishimoto Yoko	222 Sakanao, Sakaemachi, Inba-gun, Chiba 270-1513, Japan	50.000	500.000.000	0,10%
7	KOIKE KAZUMASA	Lot LD4 Thạch That-Quoc Oai Industrial zone, Phung Xa Commune, Thạch That Dist, Ha Noi, Viet Nam	500	5.000.000	0,00%
8	Kwon Oh Hoon	203-1401, Gireum New Town, Gireumdong, Seoungbukgu, Seoul, Korea	40.000	400.000.000	0,08%
9	Liu Kuo Chih	No.49, Cyudong Village, Touwu Township, Miaoli County 362, Taiwan	20.000	200.000.000	0,04%
10	Ma InGeuk	103 dong-1503ho, JerimNewTown, Gyohang-ri, Okpo-myeon, Dalseong-gun, Daegu, Kor	17.000	170.000.000	0,03%
11	Park Byung Woon	101-1601 Dream Riververvill, 30/3 Dangsandong, 378 Young Dzung poku, Seoul, Korea	200.000	2.000.000.000	0,40%
12	Takenhiko Ikenaga	YOSHIHAMA-CHO,1-2-1514 NAKA-KU,YOKOHAMA, KANAGAWA PREF. JP	17.500	175.000.000	0,03%
13	WU, PING - HSIU	NO 230, HENAN RD., LINGYA DIST., KAOHSIUNG CITY 802., TAIWAN - R.O.C	2.200	22.000.000	0,00%
14	YANG WEN CHEN	So 2A-4A Ton Duc Thang P.Ben Nghe, Q1, TPHCM, Viet Nam	15.000	150.000.000	0,03%



15	Finansia Syrus Securities Public Company Limited	999/9 The Offices@Central Word, 18th Floor, Rama I Road, Pathumwan Sub-District, Pathumwan District, Bangkok Metropolis	10.000	100.000.000	0,02%
16	FINANSIA SYRUS SECURITIES PUBLIC COMPANY LIMITED	9,12,14,15,17 Floor, Alma Link Building, Ploenchit Road, Lumpini, Patuwan, Bangkok 10330, Bangkok, Thailand	9.300	93.000.000	0,02%
17	Jardipal S.A.	3A, Boulevard Du Prince Henri L-1724, Luxembourg	200.000	2.000.000.000	0,40%
18	MIRAE ASSET DAEWOO CO.,LTD	26, Eulji-ro 5-gil, jung-gu, Seoul, Korea	5.600	56.000.000	0,01%
19	SBI SECURITIES CO.,LTD.	6-1 ROPPONGI 1-CHOME, MINATO-KU, TOKYO, JAPAN	15.300	153.000.000	0,03%
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.213.500</b>	<b>12.135.000</b>	<b>2,41%</b>

### 5.2.3. Thông tin về cổ đông tổ chức tính đến 10/04/2018

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN	1, tầng 10, tầng 11 Tháp BIDV – 35 Hàng Vôi, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	50	500.000	0,00%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Tầng 1,2,3,4 Tòa nhà Việt Dragon, số 141 Nguyễn Du, quận 1, Tp. HCM	50	500.000	0,00%
3	Công ty cổ phần Tài Việt	28/47 Lê Thị Hồng, P17, Q. Gò Vấp, TPHCM	100	1.000.000	0,00%
4	Công Ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình	356 Phố Huế - Hai Bà Trưng - Hà Nội	900.000	9.000.000.000	1,79%
5	Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp I Việt Nam	số 46 , phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.445.900	14.459.000.000	2,87%
6	Công ty TNHH Quản lý Đầu tư Thụy Tín Việt Nam	Tầng 1 Tòa nhà VCCI, Số 9 Đào Duy Anh, P. Khương Mai, Q. Đống Đa, Hà Nội	39.000	390.000.000	0,08%

7	Finansia Syrus Securities Public Company Limited	999/9 The Offices@Central Word, 18th Floor, Rama I Road, Pathumwan Sub-District, Pathumwan District, Bangkok Metropolis	10.000	100.000.000	0,02%
8	FINANSIA SYRUS SECURITIES PUBLIC COMPANY LIMITED	9,12,14,15,17 Floor, Alma Link Building, Ploenchit Road, Lumpini, Patuwan, Bangkok 10330, Bangkok, Thailand	9.300	93.000.000	0,02%
9	Jardipal S.A.	3A, Boulevard Du Prince Henri L-1724, Luxembourg	200.000	2.000.000.000	0,40%
10	MIRAE ASSET DAEWOO CO.,LTD	26, Eulji-ro 5-gil, jung-gu, Seoul, Korea	5.600	56.000.000	0,01%
11	SBI SECURITIES CO.,LTD.	6-1 ROPPONGI 1-CHOME, MINATO-KU, TOKYO, JAPAN	15.300	153.000.000	0,03%
<b>Tổng cộng</b>			<b>2.625.300</b>	<b>26.253.000.000</b>	<b>5,22%</b>

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có**

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có**

**5.5. Các chứng khoán khác: Không có**

**6. Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**

**6.1. Tuân thủ pháp luật về Bảo vệ môi trường**

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không có.**
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không có.**

**6.2. Chính sách liên quan đến người lao động**

**a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động**

**Số lượng lao động, mức lương trung bình của người lao động trong Công ty năm 2017**

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
1	Số lượng người lao động	Người	43
2	Mức lương trung bình	Đồng/người/tháng	10.000.000

**b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động**

- Công ty luôn nỗ lực xây dựng một môi trường làm việc nơi mỗi người có thể phát huy tối đa khả năng chuyên môn và kiến thức xã hội, nơi họ đóng góp, chia sẻ và cống hiến về sức lực, trí tuệ và được hưởng chế độ đãi ngộ tương xứng cho những giá trị họ mang lại;
- Công ty luôn xác định công tác phát triển nguồn nhân lực không chỉ nhằm đẩy mạnh chất lượng nguồn nhân lực mà còn giúp mỗi cán bộ nhân viên thấm nhuần văn hóa Công ty, tăng cường sự gắn bó giữa Công ty và người lao động;
- Công ty đã từng bước cải thiện các chính sách lương thưởng cạnh tranh và các chính sách phúc lợi cho nhân viên, nhằm khuyến khích động viên và đảm bảo cuộc sống vật chất và tinh thần cho người lao động yên tâm làm việc và gắn bó với Công ty.
- Công ty luôn chú trọng duy trì và phát triển tới mức tối đa tình trạng thể chất và tinh thần của người lao động thông qua đảm bảo một môi trường làm việc an toàn, lành mạnh.

**c. Hoạt động đào tạo người lao động**

- Trong năm 2017, Công ty đã phối hợp với các đơn vị đào tạo chuyên nghiệp tổ chức các khóa đào tạo nâng cao chất lượng người lao động, và tự tổ chức các khóa đào tạo nội bộ cho các cán bộ về các chuyên đề, nghiệp vụ quan trọng và cần thiết, quy chế quy định về tổ chức hoạt động của Công ty.
- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm của Công ty: 50h/nhân viên/năm.

**6.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Tinh thần vì cộng đồng, trợ giúp các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội luôn được Công ty đề cao. Hằng năm, CBCNV Công ty đều rất tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện. Năm 2016 là năm mà hàng loạt các chương trình hỗ trợ, tình nguyện của Công ty được thực hiện, CBCNV Công ty sẵn sàng vượt chặng đường hàng trăm cây số để chia sẻ lòng yêu thương đến tận vùng rừng núi xa xôi. Từ những chuyến đi chia sẻ tấm lòng từ thiện đến bà con dân tộc thiểu số các tỉnh Hòa Bình, Sơn La hay địa đầu tổ quốc Lũng Cú - Hà Giang, đến những gói quà nhỏ ủng hộ đồng bào miền trung trong các đợt thiên tai, lũ lụt; CBCNV WSS luôn tràn đầy nhiệt huyết và tấm lòng từ thiện để giúp đồng bào vượt qua những khó khăn trong cuộc sống.

**6.4. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN**

Trong khuôn khổ Chương trình Hợp tác Việt – Đức “Cải cách Kinh tế Vĩ mô/Tăng trưởng xanh”, ngày 28/10/2015, UBCKNN phối hợp với Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức tổ chức Hội nghị chuyên đề “Khuôn khổ định hướng về tài chính xanh và các sản phẩm tài chính xanh”.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Chứng khoán, WSS nhận thức được vai trò của tăng trưởng xanh đối với sự phát triển của một tổ chức tài chính nói riêng và Việt Nam nói chung. WSS sẵn sàng và chủ động tham gia các kế hoạch hành động liên quan hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

### **III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017**

##### **❖ Hoạt động môi giới**

Hoạt động kinh doanh môi giới phụ thuộc nhiều vào diễn biến của thị trường chứng khoán trong và ngoài nước. Thị trường chứng khoán năm 2017 chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ, tuy nhiên đi cùng với sự phát triển của thị trường chứng khoán là sự phân khúc thị phần mạnh mẽ trong các Công ty chứng khoán, các Công ty chứng khoán chiếm lĩnh thị phần môi giới lớn vẫn tiếp tục đào sâu khoảng cách so với các nhóm còn lại. Vì vậy, mặc dù Khối môi giới cũng đã hết sức cố gắng với mục tiêu củng cố lại đội ngũ môi giới, xây dựng lại chính sách kinh doanh, thay đổi phương thức hoạt động và tích cực tìm kiếm những nhóm khách hàng có giao dịch thường xuyên, tuy nhiên bước đầu chưa gặt hái được thành công như mong đợi.

##### **❖ Hoạt động tư vấn**

Trong năm 2017, doanh thu hoạt động tư vấn đạt 3 tỷ đồng. Tiếp nối những thành công đã đạt được trong những năm vừa qua, trong năm 2017, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp vẫn luôn là lĩnh vực mang tính chiến lược trong đường hướng phát triển của WSS. Sau giai đoạn bùng nổ của hoạt động thoái vốn, cổ phần hóa giai đoạn 2014-2015, năm 2017 mảng thoái vốn, cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước có chiều hướng chậm lại. Nhận biết được khó khăn nêu trên, Khối tư vấn đã có những điều chỉnh kế hoạch linh hoạt bằng việc chuyển định hướng tư vấn tài chính sang khối các doanh nghiệp tư nhân. Khi thị trường chứng khoán phục hồi cũng là lúc nhu cầu về phát hành, niêm yết cổ phiếu tăng mạnh do đó mặc dù mảng thoái vốn, cổ phần hóa năm 2017 bị ảnh hưởng chung của theo định hướng của Nhà nước, tuy nhiên doanh thu tư vấn tài chính của Công ty vẫn tăng trưởng và vượt kế hoạch đề ra. Đây là kết quả đáng ghi nhận trong bối cảnh dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp giữa các công ty chứng khoán đang diễn ra sự cạnh tranh quyết liệt như hiện nay.

Bên cạnh việc tiếp tục thực hiện các hợp đồng tư vấn với khách hàng lâu dài như SCIC, VNpost, Tổng Công ty Thương mại Hà Nội, Tổng công ty Xây dựng Sài Gòn, Tổng Công ty Đức Giang.... WSS ký kết thêm được nhiều được nhiều hợp đồng với giá trị hợp đồng lớn cụ

thể như các hợp đồng với Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Hạ tầng đô thị UDIC, Tổng công ty Xây dựng Viglacera, Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà, ... và một số Doanh nghiệp thuộc Bộ ngành khác như Bộ Quốc phòng, UBND thành phố Hà Nội, UBND tỉnh Vĩnh Phúc. Chất lượng dịch vụ trong mảng tư vấn luôn được khách hàng đánh giá cao, cung cấp được các giải pháp tư vấn linh hoạt và hiệu quả cho doanh nghiệp.

❖ **Hoạt động đầu tư dài hạn**

Công ty hiện đang có một khoản đầu tư dài hạn vào Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Đô thị Phố Wall số tiền là 14.000.000.000 đồng chiếm 14% vốn điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố Wall. Khoản đầu tư dài hạn của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ chặt chẽ tiêu chí: thận trọng và hiệu quả.

❖ **Chi phí**

Chiếm tỷ trọng chủ yếu trong chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán là chi phí đầu tư, góp vốn. Kế tiếp là chi phí dự phòng tài chính, chi phí trả hoa hồng cho các môi giới chứng khoán, còn lại các khoản chi phí có liên quan tới các quản lý doanh nghiệp, nói chung các khoản chi phí của Công ty năm 2017 đều được cắt giảm tối đa, duy trì ở mức hợp lý.

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016, 2017**

Đơn vị: Đồng

TT	CHỈ TIÊU	Kết quả thực hiện năm 2016	Kết quả thực hiện năm 2017	Tăng trưởng 2017/2016
<b>I</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>38.862.619.009</b>	<b>62.303.257.612</b>	<b>60,32%</b>
<b>1</b>	<b>Doanh thu hoạt động</b>	<b>38.166.069.876</b>	<b>62.057.872.979</b>	<b>62,60%</b>
1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	4.626.713.510	32.333.928.124	598,85%
1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	19.271.610.255	15.500.873.922	-19,57%
1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	3.485.348.064	3.878.690.610	11,29%
1.4	Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	3.754.261.756	2.780.940.000	-25,93%
1.5	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	4.034.499.344	3.934.885.816	-2,47%
1.6	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	236.730.643	126.501.148	-46,56%
1.7	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	408.075.436	482.748.077	18,30%
1.8	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	2.345.721.818	3.018.305.282	28,67%

1.9	Thu nhập hoạt động khác	3.109.050	1.000.000	-67,84%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	356.534.133	244.384.633	-31,46%
3	Doanh thu khác	340.015.000	1.000.000	-99,71%
<b>II</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>33.908.801.193</b>	<b>47.174.524.420</b>	<b>39,12%</b>
1	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	<b>25.946.934.528</b>	<b>38.052.392.630</b>	46,65%
2	Chi phí quản lý công ty chứng khoán	<b>7.755.850.121</b>	<b>7.098.176.205</b>	-8,48%
3	Chi phí tài chính	<b>169.408.026</b>	<b>1.070.067.484</b>	531,65%
4	Chi phí khác	36.608.518	953.888.101	2505,65%
<b>III</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>4.953.817.816</b>	<b>15.128.733.192</b>	<b>205,40%</b>
<b>IV</b>	<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>	<b>4.953.817.816</b>	<b>15.128.733.192</b>	<b>205,40%</b>

Hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty có nhiều chuyển biến tích cực so với năm 2016 cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu của Công ty năm 2017 đạt 62,3 tỷ đồng tăng 60% so với năm 2016 và bằng 200% so với kế hoạch đề ra (theo kế hoạch tổng doanh thu của Công ty đạt 31,2 tỷ đồng). Trong đó trước những diễn biến thuận lợi của nền kinh tế vĩ mô và thị trường trong nước, Ban lãnh đạo Công ty đã có những quyết định đầu tư đúng đắn, nhờ đó doanh thu từ lãi các khoản tài chính của Công ty đạt 32,3 tỷ đồng tăng gấp 7 lần so với năm 2016. Trong khi, Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính, hoạt động lưu ký chứng khoán... đều tăng so với năm 2016 và vượt mức kế hoạch đề ra thì doanh thu môi giới lại giảm nhẹ và chỉ đạt khoảng 4 tỷ đồng (bằng 56% kế hoạch đề ra). Trong năm Ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực đẩy mạnh hoạt động môi giới khi thị trường chứng khoán phục hồi mạnh mẽ, tuy nhiên bộ phận môi giới của Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh với những Công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn là nguyên nhân dẫn tới kết quả hoạt động môi giới của Công ty chưa đạt kỳ vọng và kế hoạch đề ra.
- Doanh thu tăng so với năm 2016 cùng với đó Ban lãnh đạo đã có những sự chỉ đạo kiểm soát tình hình chi phí của Công ty khiến lợi nhuận của Công ty tăng mạnh so với năm 2016. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 15,1 tỷ đồng tăng 205% so với 2016 và vượt 135% so với kế hoạch đề ra.

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1 Tình hình tài sản

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
<b>Tổng tài sản</b>	<b>535.980.916.724</b>	<b>593.551.079.282</b>	<b>10,74%</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>460.568.857.808</b>	<b>562.682.701.484</b>	<b>22,17%</b>
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>448.661.050.051</b>	<b>550.659.183.047</b>	<b>22,73%</b>
Tiền và tương đương tiền	67.335.932.739	159.308.516.292	<b>136,59%</b>
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	11.582.310.058	162.296.917.160	1301,25%
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	274.000.000.000	60.401.181.945	-77,96%
Các khoản cho vay	14.185.002.807	24.908.020.888	75,59%
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	77.780.308.432	100.253.027.112	28,89%
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	(5.600.748)	(5.366.041.706)	95709,38%
Các khoản phải thu	3.522.099.459	3.088.010.087	-12,32%
Trả trước cho người bán	66.901.538	44.058.132.470	65755,19%
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	231.752.982	420.022.227	81,24%
Các khoản phải thu khác	22.342.784	1.351.396.572	5948,47%
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(60.000.000)	(60.000.000)	0%
Tài sản ngắn hạn khác	11.907.807.757	12.023.518.437	0,97%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>75.412.058.916</b>	<b>30.868.377.798</b>	<b>-59,07%</b>
Tài sản tài chính dài hạn	58.000.000.000	14.000.000.000	-75,86%
Tài sản cố định	981.860.073	669.213.180	-31,84%
Tài sản dài hạn khác	16.430.198.843	16.199.164.618	-1,41%

## 2.2 Tình hình công nợ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
<b>Nợ phải trả</b>	<b>4.007.923.973</b>	<b>46.449.353.339</b>	<b>1.058,94%</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>4.007.923.973</b>	<b>46.449.353.339</b>	<b>1.058,94%</b>
Phải trả người bán	636.727.299	351.780.643	-44,75%
Người mua trả tiền trước	781.818.181	590.028.000	-24,53%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	272.756.981	462.951.315	69,73%
Phải trả người lao động	501.155.094	83.434.176	-83,35%
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	16.241.049	33.111.839	103,88%
Chi phí phải trả ngắn hạn	245.300.084	377.622.081	53,94%
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.102.193.751	1.102.193.751	0,00%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	451.731.534	448.231.534	-0,77%
Vay ngắn hạn	-	43.000.000.000	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	-

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Công ty chủ trương tiếp tục duy trì bộ máy nhân sự gọn nhẹ và áp dụng cơ chế linh hoạt, tuyển dụng khi cần thiết, chủ yếu ưu tiên phục vụ phát triển kinh doanh. Số nhân sự hưởng lương cố định toàn Công ty khoảng 45 người, số nhân sự hưởng lương theo doanh số (môi giới) sẽ không giới hạn số lượng.

### 4. Kế hoạch phát triển trong thời gian tới

- Tiếp tục phát huy vai trò là kênh dẫn vốn quan trọng cho nền kinh tế, thị trường chứng khoán Việt Nam 2017 và đầu năm 2018 cho thấy sự phục hồi và phát triển mạnh mẽ đang là cơ sở để thị trường năm 2018 tiếp tục phát triển bùng nổ hơn nữa, là kênh thu hút dòng tiền lớn cả trong và ngoài nước tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế vi mô và vĩ mô.
- Với một loạt giải pháp, quyết tâm của Chính phủ, kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2018; lạm phát tiếp tục được kiểm soát ở mức hợp lý; tín dụng tăng trưởng tốt... Cùng với các giải pháp quyết liệt về CPH và gắn CPH với lên sàn, nhiều DNNN có quy mô lớn sẽ có mặt, qua đó quy mô TTCK sẽ tăng trưởng mạnh, với nhiều hàng hóa chất lượng cao hơn, từ đó thu hút tốt hơn dòng tiền trong, ngoài nước.



- Với hàng loạt quyết tâm của Chính phủ cũng như Bộ Tài chính, năm 2018 được nhiều chuyên gia lạc quan cho rằng thị trường sẽ tăng trưởng, và được dự báo sẽ “bùng nổ” về thị trường thoái vốn và cổ phần hóa sau giai đoạn 2016-2017 chưa đạt được nhiều thành tựu như kỳ vọng. Các chuyên gia phân tích tại Việt Nam đã nhận định, chỉ số chứng khoán năm nay sẽ tiếp tục lập đỉnh phá vỡ những con số ấn tượng của năm 2017. Nền kinh tế được củng cố, hoạt động thoái vốn của Nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước và sự tăng trưởng của các doanh nghiệp niêm yết đang là yếu tố thu hút các nhà đầu tư tới Việt Nam - một trong những thị trường nóng nhất của châu Á. Cùng với đó, những chính sách mới được thực thi sẽ tăng cường bảo vệ nhà đầu tư, siết chặt kỷ luật của DN, bảo đảm thị trường phát triển lành mạnh và ổn định.
- Nhận biết được những cơ hội và tiềm năng của thị trường chứng khoán trong năm 2018, WSS tập trung đẩy mạnh và nâng cao chất lượng dịch vụ của từng mảng hoạt động, mở rộng mạng lưới khách hàng để thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

#### **Hoạt động Môi giới**

Hoạt động Môi giới tập trung nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, phát triển về quy mô. Mục tiêu hoạt động của môi giới là mang đến dịch vụ, tiện ích tốt nhất cho khách hàng, tăng doanh thu cho Công ty. Kết hợp với ngân hàng, tổ chức tài chính cung cấp cho khách hàng các sản phẩm margin, triển khai hội thảo cơ hội đầu tư cho khách hàng, giới thiệu về sản phẩm chứng khoán phái sinh. Xây dựng sản phẩm về dịch vụ tư vấn và phân tích để hỗ trợ môi giới trong việc chăm sóc khách hàng. Mở rộng quy mô hoạt động môi giới, tạo những chính sách về phí, hoa hồng hấp dẫn thu hút những môi giới có doanh thu khách hàng lớn từ các Công ty Chứng khoán có thị phần môi giới hàng đầu.

#### **Hoạt động tư vấn tài chính**

Tư vấn tài chính tiếp tục được xác định là một trong những mảng dịch vụ quan trọng nhất trong định hướng phát triển kinh doanh của WSS. Trong năm 2018, ngoài việc tiếp tục ký kết hợp đồng tư vấn với các khách hàng quen thuộc trên địa bàn TP, Hà Nội, Ban lãnh đạo công ty còn đẩy mạnh việc xúc tiến và hợp tác với các doanh nghiệp, các Bộ ban ngành ở khắp các tỉnh thành trong cả nước như TP. Hồ Chí Minh, Thái Nguyên, Phú Yên, Vĩnh Phú, các doanh nghiệp thuộc: Bộ Quốc Phòng, Bộ Xây Dựng... để tìm kiếm hợp đồng. Năm 2018 cũng là năm trọng tâm trong việc triển khai kế hoạch hoàn thiện cơ chế, chính sách về sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước giai đoạn 2018 – 2020. Các Bộ, ban ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước tiếp tục đẩy nhanh việc sắp xếp, cổ phần hoá doanh nghiệp 100% vốn nhà nước theo Phương án, đề án tái cơ cấu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Cùng với đó là sự phát triển mạnh mẽ của thị trường chứng khoán, dòng tiền đổ vào thị trường chứng khoán liên tục gia tăng, tạo sức hút lớn cho các doanh nghiệp thực hiện phát hành và niêm yết cổ phiếu. Chính vì thế, năm 2018 dự

kiến sẽ làm gia tăng hoạt động trong mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp của các công ty chứng khoán.

### **Hoạt động đầu tư, tự doanh**

Trước tình hình thực tế thị trường đang sôi động và có nhiều tích cực và các cơ hội tăng giá cổ phiếu trong năm 2018 là rất tiềm năng. Chiến lược hiện tại của Khối tự doanh là bám sát thị trường, bên cạnh việc đẩy mạnh hoạt động đầu tư dài hạn thì Công ty cần đề xuất cơ hội đầu tư ngắn hạn khi xuất hiện cơ hội. Tuy nhiên, hoạt động đầu tư luôn phải đảm bảo tính thận trọng và an toàn.

### **Hoạt động đầu tư**

Các khoản đầu tư mà WSS còn nắm giữ đều ở trên giá vốn và đã mang lại hiệu quả. Trong năm 2018 Công ty tiếp tục giữ vững định hướng đầu tư như năm 2017 với chiến lược đầu tư của công ty hướng đến các doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hóa. Dựa trên các phân tích đánh giá về thị trường, về bản thân doanh nghiệp, WSS sẽ có thể tham gia với tư cách là các cổ đông lớn, nắm quyền chi phối. Bởi trong số các doanh nghiệp phải tiến hành cổ phần hóa theo kế hoạch tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước giai đoạn 2018 – 2020, có nhiều doanh nghiệp có lợi thế trong thương mại như ngành nghề độc quyền, có giá trị tài sản lớn nhưng lại làm ăn không hiệu quả. Đây sẽ là cơ hội để WSS đầu tư vào nhằm tái cấu trúc lại doanh nghiệp, gia tăng doanh thu, lợi nhuận; mang lại cơ hội sinh lời với tỷ suất cao từ hoạt động đầu tư dài hạn.

### **Kế hoạch tài chính**

*Đơn vị tính: đồng*

<b>TT</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Kế hoạch năm 2018</b>
<b>I</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>43.092.000.000</b>
<b>1</b>	<b>Doanh thu hoạt động</b>	<b>42.077.000.000</b>
1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	11.160.000.000
1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	14.240.000.000
1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	4.200.000.000
1.4	Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	0
1.5	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	4.875.000.000
1.6	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	975.000.000
1.7	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	887.000.000

1.8	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	5.100.000.000
1.9	Thu nhập hoạt động khác	640.000.000
2	Doanh thu hoạt động tài chính	295.000.000
3	Doanh thu khác	720.000.000
<b>II</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>28.930.000.000</b>
1	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	20.175.000.000
2	Chi phí quản lý công ty chứng khoán	6.650.000.000
3	Chi phí tài chính	1.230.000.000
4	Chi phí khác	875.000.000
<b>III</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>14.162.000.000</b>

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động Công ty**

Năm 2017 là một năm sôi động của thị trường chứng khoán Việt Nam, nhận biết được dấu hiệu bùng nổ của thị trường, trong năm Hội đồng quản trị đã họp và có những chỉ đạo trực tiếp đến Ban điều hành. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty có nhiều chuyển biến tích cực so với giai đoạn 2015, 2016 cụ thể:

- Tổng doanh thu năm 2017 của Công ty đạt 62,3 tỷ đồng bằng 199,55 so với kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua. Trước sự tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường chứng khoán, Ban điều hành với sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị đã có những chính sách đầu tư hợp lý là nguyên nhân chính khiến tổng doanh thu của Công ty tăng mạnh so với giai đoạn 2014,2015. Tổng doanh thu của Công ty tăng lên, tuy nhiên Hoạt động môi giới của Công ty vẫn chưa đạt kỳ vọng của HĐQT và Ban điều hành, hoạt động môi giới trong năm chỉ đạt gần 4 tỷ đồng chỉ đạt 55,15 kế hoạch đề ra; thị trường chứng khoán hồi phục thu hút sự quay trở lại của nhiều nhà đầu tư và dòng tiền khối ngoại tuy nhiên đây cũng là giai đoạn cạnh tranh thị phần môi giới giữa các Công ty chứng khoán trở lên khốc liệt hơn bao giờ hết. Các Công ty Chứng khoán có thị phần môi giới chiếm lĩnh thị trường tiếp tục gia tăng khoảng cách so với nhóm còn lại, là nguyên nhân khiến hoạt động môi giới của Công ty chưa đạt như kỳ vọng. Hoạt động tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành của Công ty trong năm đạt 3,15 tỷ đồng bằng 112,3% so với kế hoạch. Năm 2017 là một năm khá bình lặng của thị trường thoái vốn và cổ phần hóa do đó mảng thoái vốn, cổ phần hóa của Khối chưa đạt như kỳ vọng tuy nhiên nhận thấy dấu hiệu trên Ban điều hành cũng như cán bộ quản lý Khối tư vấn đã định hướng sang các hoạt động tư vấn niêm yết, phát hành cổ phiếu để đón đầu xu hướng “lên sàn” và huy động vốn của các doanh nghiệp tư nhân khi thị

trường Chứng khoán đang hồi phục mạnh mẽ, do đó hoạt động kinh doanh của Khối tư vấn vẫn đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

- Tổng chi phí trong năm của Công ty vượt mức kế hoạch đề ra, tuy nhiên đa phần chi phí đều đến từ chi phí cho hoạt động kinh doanh do đó chi phí tăng tương ứng theo đà tăng của doanh thu hoạt động kinh doanh cũng là điều tất yếu. Trong năm Công ty đã kiểm soát khá tốt các chi phí cụ thể chi phí quản lý Công ty ở mức 7 tỷ đồng chỉ bằng 39,6% so với kế hoạch.
- Doanh thu tăng, cùng với quản lý tốt chi phí là nguyên nhân khiến tổng lợi nhuận kế toán trước thuế và sau thuế của Công ty tăng lên so với giai đoạn 2015, 2016 và vượt mức kế hoạch đề ra. Cụ thể Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 15,13 tỷ đồng bằng 234,5% so với kế hoạch đây là một chỉ số đáng khích lệ, thể hiện sự nỗ lực và cố gắng của toàn bộ cán bộ công nhân viên và sự lãnh đạo kịp thời của Ban lãnh đạo trong hoạt động kinh doanh công ty.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban Tổng Giám đốc Công ty**

- Triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, HĐQT thường xuyên theo dõi diễn biến của nền kinh tế và biến động của thị trường, để từ đó có sự chỉ đạo kịp thời hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ điều lệ của WSS, HĐQT thực hiện giám sát Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc hàng ngày. Hoạt động của HĐQT luôn tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Chủ tịch HĐQT đã thường xuyên làm việc tại Công ty, hàng tuần, hàng tháng họp giao ban với Ban Tổng Giám đốc và dự họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc với các cấp quản lý nhằm theo dõi, nắm bắt tình hình và chỉ đạo các hoạt động của Công ty.
- Định kỳ, HĐQT yêu cầu Ban Tổng giám đốc báo cáo kết quả kinh doanh, tiến độ thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, những thuận lợi và khó khăn phát sinh trong công tác điều hành. Trên cơ sở các báo cáo và tình hình thực tế nắm bắt được, HĐQT tổ chức cuộc họp xem xét, đánh giá kết quả điều hành trong kỳ và yêu cầu triển khai công việc mới theo Nghị quyết ĐHCĐ đề ra.
- Trong năm, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT tại các cuộc họp HĐQT định kỳ và đột xuất.
- Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy trình tác nghiệp và quản lý, tất cả các hoạt động kinh doanh của công ty đều đảm bảo tuân thủ theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

- Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý của CTCP Chứng khoán Phố Wall đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện, vì vậy, kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận năm 2017 của công ty là khá tốt và vượt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua.
- Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, thường trực HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp bất thường để xử lý các công việc thuộc thẩm quyền, kịp thời chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty.

### **3. Các định hướng kế hoạch của Hội đồng quản trị**

Trên cơ sở nhận định tình hình như trên, định hướng một số mảng hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2018 như sau:

- Công ty sẽ củng cố lại hoạt động môi giới thông qua việc quan tâm đầu tư cả về công nghệ, nhân sự, dịch vụ tài chính. Về cơ chế, chính sách môi giới, tiếp tục duy trì chiến lược ổn định và mở rộng thận trọng hoạt động môi giới bằng cơ chế hoa hồng hấp dẫn. Bên cạnh đó, tăng cường các biện pháp quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động giao dịch, dịch vụ tài chính.
- Đối với hoạt động đầu tư: tư tưởng chủ đạo vẫn là thận trọng để bảo toàn vốn, chỉ tham gia đầu tư lớn khi có tín hiệu và nhìn thấy cơ hội rõ ràng.
- Tập trung phát triển mạnh mẽ mảng dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp. Nâng cao nghiệp vụ, uy tín và sự chuyên nghiệp trong ngành để nhận được sự tin tưởng của Khách hàng; Cố gắng tận dụng khai thác cơ hội để tìm kiếm những hợp đồng tư vấn lớn với các Tập đoàn, Tổng công ty, các Bộ ban ngành để hoạt động này mang lại doanh thu tốt và bền vững cho Công ty.
- Tăng cường mối quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính trong và ngoài nước để khai thác hiệu quả nguồn vốn đáp ứng nhu cầu đầu tư.
- Nâng cao chất lượng công tác phân tích dự báo, theo dõi sát tình hình vĩ mô và biến động của nền kinh tế để một mặt hỗ trợ tốt hơn cho khách hàng, mặt khác phục vụ đắc lực hoạt động đầu tư.
- Nâng cao chất lượng công tác quản trị rủi ro các mặt hoạt động của Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu nhân sự, chuẩn hoá các quy trình nghiệp vụ, tiếp tục đào tạo, nâng cao tính chuyên nghiệp cho đội ngũ, cán bộ, nhân viên.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Danh sách hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Chức vụ quản lý điều hành tại WSS
1	Nguyễn Đình Tú	Chủ tịch	11.300.000	
2	Phạm Đức Long	Phó Chủ tịch	100	
3	Nguyễn Văn Thư	Thành viên	0	
4	Ngô Tiến Minh	Thành viên	1.300.000	

#### 1.2. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Không có

#### 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, HĐQT thường xuyên theo dõi diễn biến của nền kinh tế và biến động của thị trường, để từ đó có sự chỉ đạo kịp thời hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ điều lệ của WSS, HĐQT thực hiện giám sát Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc hàng ngày. Hoạt động của HĐQT luôn tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Chủ tịch HĐQT đã thường xuyên làm việc tại Công ty, hàng tuần, hàng tháng họp giao ban với Ban Tổng Giám đốc và dự họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc với các cấp quản lý nhằm theo dõi, nắm bắt tình hình và chỉ đạo các hoạt động của Công ty.
- Định kỳ, HĐQT yêu cầu Ban Tổng giám đốc báo cáo kết quả kinh doanh, tiến độ thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, những thuận lợi và khó khăn phát sinh trong công tác điều hành. Trên cơ sở các báo cáo và tình hình thực tế nắm bắt được, HĐQT tổ chức cuộc họp xem xét, đánh giá kết quả điều hành trong kỳ và yêu cầu triển khai công việc mới theo Nghị quyết ĐHCĐ đề ra.
- Trong năm, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT tại các cuộc họp HĐQT định kỳ và đột xuất.
- Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy trình tác nghiệp và quản lý, tất cả các hoạt động kinh doanh của công ty đều đảm bảo tuân thủ theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

- Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý của CTCP Chứng khoán Phố Wall đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện, vì vậy, kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận năm 2017 của công ty là khá tốt và vượt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua.
- Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, thường trực HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp bất thường để xử lý các công việc thuộc thẩm quyền, kịp thời chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Năm 2017, HĐQT của Công ty đã tổ chức 04 cuộc họp, thông qua 09 Nghị quyết/Quyết định và có các chỉ đạo kịp thời với các nội dung chính như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2017/NQ-HĐQT	12/01/2017	Chính sách rủi ro WSS năm 2017
2	05/2017/NQ-HĐQT	24/08/2017	V/v miễn nhiệm chức danh Phó chủ tịch Thường trực HĐQT và Tổng Giám đốc đối với Bà Phạm Diễm Hoa
3	06/2017/NQ-HĐQT	24/08/2017	V/v giao Quyền Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Viết Thắng
4	07/2017/NQ-HĐQT	24/08/2017	V/v bổ nhiệm chức danh Phó Chủ tịch HĐQT đối với ông Phạm Đức Long
5	09/2017/QĐ-HĐQT	25/08/2017	V/v cử người đại diện chủ tài khoản của Công ty tại các Ngân hàng
6	10/2017/QĐ-HĐQT	25/08/2017	V/v tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động kinh doanh trong Công ty
7	11/2017/NQ-HĐQT	05/10/2017	V/v chấm dứt việc giao Quyền Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Viết Thắng
8	12/2017/NQ-HĐQT	05/10/2017	V/v bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Đăng Trường
9	13/2017/NQ-HĐQT	05/10/2017	V/v chấp thuận đơn từ nhiệm vị trí thành viên Hội đồng quản trị đối với Bà Phạm Diễm Hoa

#### **1.4. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành**

Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên không nắm giữ một vị trí điều hành nào trong Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không có quyền lợi sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp đối với Công ty; không là người quản lý, nhân viên hoặc các bên liên quan của Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập nhiệm kỳ hiện nay của Công ty gồm:

- Ông Phạm Đức Long
- Ông Ngô Tiến Minh

- Ông Nguyễn Văn Thư.

**1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Không có

**1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:** Không có

## **2. Ban kiểm soát**

### **2.1. Danh sách ban kiểm soát**

<b>BAN KIỂM SOÁT</b>		
<b>STT</b>	<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Trần Đình Tùng	Trưởng ban
2	Trịnh Công Thắng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/4/2013)
3	Nguyễn Thị Thu Thơm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/4/2013)

### **2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kế Toán và các văn bản pháp quy có liên quan; kiểm tra giám sát việc chấp hành Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2017 của Công ty, cụ thể là:

Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc về quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; Kiểm soát nội dung, trình tự, thủ tục ban hành các văn bản quy định về công tác quản trị doanh nghiệp;

Kiểm tra, đánh giá việc xây dựng và thực hiện các Quy trình nghiệp vụ trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện những rủi ro hoặc những thiếu sót, và kiến nghị các giải pháp khắc phục;

Kiểm tra giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội cổ đông;

Kiểm tra, giám sát các Báo cáo tài chính hàng quý nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; Giám sát ban lãnh đạo công ty thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra;

Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.



### **3. Thù lao, lương, thưởng các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty**

#### **3.1. Thù lao, lương của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty**

Đại hội cổ đông năm 2017 đã nhất trí thông qua mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành là 1,2 tỷ đồng

#### **3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có**

#### **3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có**

#### **3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty**

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty, và thực hiện báo cáo kịp thời cũng như công bố thông tin định kỳ về tình hình quản trị công ty hàng quý, bán niên, và hàng năm đến các nhà đầu tư.

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2017**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

Công ty kiểm toán: Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

#### **Ý kiến kiểm toán:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Chứng khoán phố Wall tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính..

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp,

lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## 2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>562.682.701.484</b>	<b>460.568.857.808</b>
<b>110</b>	<b>I. Tài sản tài chính</b>		<b>550.659.183.047</b>	<b>448.661.050.051</b>
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	159.308.516.292	67.335.932.739
111.1	1.1 Tiền		94.552.436.481	2.935.932.739
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		64.756.079.811	64.400.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	162.296.917.160	11.582.310.058
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	60.401.181.945	274.000.000.000
114	4. Các khoản cho vay	5	24.908.020.888	14.185.002.807
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	100.253.027.112	77.780.308.432
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(5.366.041.706)	(5.600.748)
117	7. Các khoản phải thu	7	3.088.010.087	3.522.099.459
117.1	7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		709.280.000	1.553.134.000
117.2	7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		2.378.730.087	1.968.965.459
117.4	7.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		2.378.730.087	1.968.965.459
118	8. Trả trước cho người bán	7	44.058.132.470	66.901.538
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	420.022.227	231.752.982
122	10. Các khoản phải thu khác	7	1.351.396.572	22.342.784
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(60.000.000)	(60.000.000)
<b>130</b>	<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>12.023.518.437</b>	<b>11.907.807.757</b>
131	1. Tạm ứng		132.913.000	41.001.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	51.173.677	27.374.997
136	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	11.830.431.760	11.830.431.760
137	4. Tài sản ngắn hạn khác		9.000.000	9.000.000



30  
31  
32  
33  
34

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>30.868.377.798</b>	<b>75.412.058.916</b>
210	<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>		<b>14.000.000.000</b>	<b>58.000.000.000</b>
211	1. Các khoản phải thu dài hạn	7	-	44.000.000.000
212	2. Các khoản đầu tư	11	14.000.000.000	14.000.000.000
212.4	2.11 Đầu tư dài hạn khác		14.000.000.000	14.000.000.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>669.213.180</b>	<b>981.860.073</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	493.527.749	671.336.446
222	- Nguyên giá		8.887.524.716	9.484.905.668
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.393.996.967)	(8.813.569.222)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	175.685.431	310.523.627
228	- Nguyên giá		2.719.799.300	2.719.799.300
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.544.113.869)	(2.409.275.673)
250	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>16.199.164.618</b>	<b>16.430.198.843</b>
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		259.978.625	259.978.625
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	9	12.052.573.053	12.516.903.236
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	14	3.886.612.940	3.653.316.982
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>593.551.079.282</b>	<b>535.980.916.724</b>

31/00  
C  
HÁCH  
HÀNH  
/

1  
-  
G  
4  
1  
W  
-  
=

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>46.449.353.339</b>	<b>4.007.923.973</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>		<b>46.449.353.339</b>	<b>4.007.923.973</b>
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	43.000.000.000	-
312	1.1 Vay ngắn hạn		43.000.000.000	-
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	16	351.780.643	636.727.299
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		590.028.000	781.818.181
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	462.951.315	272.756.981
323	6. Phải trả người lao động		83.434.176	501.155.094
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		33.111.839	16.241.049
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	377.622.081	245.300.084
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	1.102.193.751	1.102.193.751
331	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		448.231.534	451.731.534
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>547.101.725.943</b>	<b>531.972.992.751</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>547.101.725.943</b>	<b>531.972.992.751</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		503.000.000.000	503.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		503.000.000.000	503.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		503.000.000.000	503.000.000.000
415	2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		8.353.605.115	8.353.605.115
417	3. Lợi nhuận chưa phân phối		35.748.120.828	20.619.387.636
417.1	3.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		19.690.394.972	20.619.402.665
417.2	3.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		16.057.725.856	(15.029)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>593.551.079.282</b>	<b>535.980.916.724</b>

111  
NG  
HIỆM  
KIẾ  
A  
KIẾ

11  
11  
11  
11  
11

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
005	1. Ngoại tệ các loại	21	15.788,81	839
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành (CP)		50.300.000	50.300.000
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán (VND)	22	48.495.380.000	14.313.250.000
012	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán (VND)	23	20.200.460.000	25.662.080.000
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (VND)</b>				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	24	885.655.870.000	777.894.600.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		841.436.540.000	745.921.340.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		2.688.000.000	27.084.760.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		38.409.530.000	-
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		3.121.800.000	4.888.500.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	25	1.081.310.000	-
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		1.081.310.000	-
024.b	3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	26	-	1.613.570.000

S-C  
Y  
QUH  
TO  
C  
TP

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
026	6. Tiền gửi của khách hàng	27	52.816.032.827	15.882.590.321
027	6.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		52.815.005.128	15.881.219.602
030	6.1 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.027.699	1.370.719
031	8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	28	52.815.005.128	15.881.219.602
031.1	8.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		52.632.067.035	15.728.238.781
031.2	8.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		182.938.093	152.980.821
032	9. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		610.380	10.080
035	10. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	29	417.319	1.360.639



Nguyễn Thị Trang  
Người lập



Nguyễn Thị Trang  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đăng Trường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2018

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		32.333.928.124	4.626.713.510
01.1	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	.a)	2.369.112.406	4.609.001.960
01.2	b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	5.e)	29.950.916.018	-
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	.b)	13.899.700	17.711.550
02	1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	.b)	15.500.873.922	19.271.610.255
03	1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	.b)	3.878.690.610	3.485.348.064
04	1.4 Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	.b)	2.780.940.000	3.754.261.756
06	1.5 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		3.934.885.816	4.034.499.344
07	1.6 Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		126.501.148	236.730.643
09	1.7 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		482.748.077	408.075.436
10	1.8 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		3.018.305.282	2.345.721.818
11	1.9 Thu nhập hoạt động khác		1.000.000	3.109.050
<b>20</b>	<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>		<b>62.057.872.979</b>	<b>38.166.069.876</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
21	2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		26.734.856.442	2.217.822.292
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	.a)	12.841.369.615	2.217.822.292
21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.e)	13.893.486.827	-
23	2.2 Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại		-	23.977.500.000
24	2.3 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tồn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		5.360.440.958	(7.013.225.267)
26	2.4 Chi phí hoạt động tự doanh		138.624.809	525.461.576
27	2.5 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		4.156.952.044	4.463.482.300
28	2.6 Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		-	3.250.000
30	2.7 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		462.536.168	357.684.378
31	2.8 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		1.198.982.209	1.414.959.249
<b>40</b>	<b>Cộng chi phí hoạt động</b>		<b>38.052.392.630</b>	<b>25.946.934.528</b>



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
*Năm 2017*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
<i>(tiếp theo)</i>				
	<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>32</b>		
41	3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		339.080	323.182
42	3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		244.045.553	356.210.951
50	<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>		<b>244.384.633</b>	<b>356.534.133</b>
	<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>33</b>		
51	4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		249.468	338.211
52	4.2 Chi phí lãi vay		1.069.818.016	181.225.408
54	4.3 Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	(12.155.593)
60	<b>Cộng chi phí tài chính</b>		<b>1.070.067.484</b>	<b>169.408.026</b>
62	<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>34</b>	<b>7.098.176.205</b>	<b>7.755.850.121</b>
70	<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>16.081.621.293</b>	<b>4.650.411.334</b>
	<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>			
71	8.1 Thu nhập khác	35	1.000.000	340.015.000
72	8.2 Chi phí khác	36	953.888.101	36.608.518
80	<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>		<b>(952.888.101)</b>	<b>303.406.482</b>

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
			<i>(tiếp theo)</i>	
90	<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>15.128.733.192</b>	<b>4.953.817.816</b>
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(929.007.693)	4.953.832.845
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		16.057.740.885	(15.029)
100	<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	37	-	-
200	<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>15.128.733.192</b>	<b>4.953.817.816</b>
500	<b>XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	38	301	98



Nguyễn Thị Trang  
Người lập



Nguyễn Thị Trang  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đăng Trường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2018

111  
ÔNG  
HIỆN  
KIẾ  
A:  
IEM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính		(472.094.635.500)	(632.376.873.700)
02	2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính		518.449.518.200	608.406.615.800
03	3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		(21.276.490)	(227.294.440)
04	4. Cổ tức đã nhận		2.780.940.000	3.771.973.306
05	5. Tiền lãi đã thu		17.459.940.774	21.508.914.248
06	6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của công ty chứng khoán		(989.475.548)	(181.225.408)
07	7. Tiền chi trả Tờ chức cung cấp dịch vụ cho công ty chứng khoán		(67.851.164)	(7.743.348.338)
08	8. Tiền chi trả cho người lao động		(5.126.060.284)	(4.966.443.405)
09	9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động công ty chứng khoán		(1.348.012.799)	(1.816.900.266)
10	10. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các tài sản tài chính		(500.000)	-
11	11. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		713.715.276.098	673.709.052.887
12	12. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(723.786.379.734)	(636.245.925.750)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>48.971.483.553</b>	<b>23.838.544.934</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		-	(369.500.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		1.100.000	-
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>1.100.000</b>	<b>(369.500.000)</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
33	1. Tiền vay gốc		238.000.000.000	50.806.620.728
33.1	1.1 Tiền vay khác		238.000.000.000	50.806.620.728
34	1. Tiền chi trả nợ gốc vay		(195.000.000.000)	(50.806.620.728)
34.1	1.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(195.000.000.000)	(50.806.620.728)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>43.000.000.000</b>	<b>-</b>
50	<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>		<b>91.972.583.553</b>	<b>23.469.044.934</b>
60	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>67.335.932.739</b>	<b>43.866.887.805</b>
61	Tiền		2.935.947.768	7.467.443.572
62	Các khoản tương đương tiền		64.400.000.000	36.400.000.000
63	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(15.029)	(555.767)
70	<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>		<b>159.308.516.292</b>	<b>67.335.932.739</b>
71	Tiền		94.552.124.787	2.935.947.768
72	Các khoản tương đương tiền		64.756.079.811	64.400.000.000
73	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		311.694	(15.029)

05  
TY  
HỮU H  
TỌA  
C  
TP. H

10

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		1.230.964.309.320	1.098.729.043.446
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(973.766.802.020)	(1.085.436.403.754)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(219.835.182.735)	(9.919.021.403)
09	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(396.358.981)	(570.942.754)
12	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		170.953.046.469	437.881.154.390
13	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(170.985.569.547)	(438.420.312.050)
20	<b>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>		<b>36.933.442.506</b>	<b>2.263.517.875</b>
30	<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>		<b>15.882.590.321</b>	<b>13.619.072.446</b>
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		15.882.590.321	13.619.072.446
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		15.881.219.602	13.078.544.067
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		1.370.719	540.528.379
40	<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>		<b>52.816.032.827</b>	<b>15.882.590.321</b>
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		52.816.032.827	15.882.590.321
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		52.815.005.128	15.881.219.602
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		1.027.699	1.370.719

  
Nguyễn Thị Trang  
Người lập

  
Nguyễn Thị Trang  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Đăng Trường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2018

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2017

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 86/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh số 18/GPĐC- UBCK ngày 26 tháng 05 năm 2017 do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 503.000.000.000 đồng; Vốn điều lệ thực góp đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 503.000.000.000 đồng; Tương đương 50.300.000 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 30 tháng 01 năm 2008 với mã giao dịch là WSS.

#### 1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 có hiệu lực thi hành từ năm tài chính 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

**2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

a) *Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) *Nguyên tắc phân loại*

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):** tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

**Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):** là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);

- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

**Các khoản cho vay:** là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

**Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):** là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

**Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ:** là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

**Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:** là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) *Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính*

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá bằng giá trị sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2017.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Thu nhập" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính theo giá trị hợp lý".

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".



**2.5 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

**2.6 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn**

**Phải thu bán các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

**Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

**Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp:** phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

**Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:** được trích lập cho các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được trình bày trên chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

**2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- Phần mềm giao dịch	03 - 05 năm

## 2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.9 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**Các khoản vay:** phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

**Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán:** phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

**Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán:** phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

## 2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.11 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

**2.12 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

**2.13 . Doanh thu, thu nhập***Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

**2.14 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty**

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

**2.15 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính**

*Doanh thu tài chính bao gồm*

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;

*Chi phí hoạt động tài chính bao gồm*

- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái;
- Chi phí lãi vay;

**2.16 . Các khoản thuế**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**2.17 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

35  
T  
H  
M  
S  
1

**3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
<b>Của Công ty Chứng khoán</b>	<b>11.745.211</b>	<b>307.764.741.200</b>
- Cổ phiếu	11.745.211	307.764.741.200
<b>Của nhà đầu tư</b>	<b>179.982.740</b>	<b>2.216.304.822.140</b>
- Cổ phiếu	179.982.740	2.216.304.822.140
	<b>191.727.951</b>	<b>2.524.069.563.340</b>

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	142.034.423	334.925.150
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	94.410.402.058	2.601.007.589
Các khoản tương đương tiền	64.756.079.811	64.400.000.000
	<b>159.308.516.292</b>	<b>67.335.932.739</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 đến 03 tháng, được gửi tại Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Hàng Đậu với lãi suất từ 5,2%/năm đến 5,3%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tương đương tiền có giá trị 33.614.791.574 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn từ ngân hàng. Xem chi tiết tại thuyết minh số 15.

**5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	14.761.433.279	44.670.554.760	11.581.650.058	12.392.597.370
Cổ phiếu Upcom	131.477.541.690	117.626.303.000	147.000	145.000
Cổ phiếu hủy niêm yết	513.000	59.400	513.000	59.400
	<b>146.239.487.969</b>	<b>162.296.917.160</b>	<b>11.582.310.058</b>	<b>12.392.801.770</b>

**b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	100.253.027.112	100.253.027.112	77.780.308.432	77.780.308.432
	<b>100.253.027.112</b>	<b>100.253.027.112</b>	<b>77.780.308.432</b>	<b>77.780.308.432</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

c) **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên	60.401.181.945	274.000.000.000
	<u><b>60.401.181.945</b></u>	<u><b>274.000.000.000</b></u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Bắc Á với lãi suất từ 6,5%/năm đến 6,7%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 22.023.808.333 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn từ ngân hàng. Xem chi tiết tại thuyết minh số 15.

d) **Các khoản cho vay**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Hoạt động margin	24.343.371.898	13.741.437.041
Hoạt động ứng trước tiền bán	564.648.990	443.565.766
	<u><b>24.908.020.888</b></u>	<u><b>14.185.002.807</b></u>

T.M.C.P. BẮC Á

T. Á. H. Á. T. Á.

e) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường (Theo phương pháp hạch toán tài sản tài chính đánh giá lại)

Mã	Số lượng	Đơn giá trên sổ sách		Đơn giá thị trường		Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
		31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>FYPL</b>		<b>580.677</b>	<b>277.925</b>	<b>577.430</b>	<b>233.340</b>	<b>146.239.487.969</b>	<b>11.582.310.058</b>	<b>162.296.917.160</b>	<b>12.392.801.770</b>	<b>29.950.916.018</b>	<b>816.092.460</b>	<b>(13.893.486.827)</b>	<b>(5.600.748)</b>	<b>162.296.917.160</b>	<b>12.392.801.770</b>
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>		<b>456.901</b>	<b>247.680</b>	<b>476.830</b>	<b>217.060</b>	<b>14.761.433.279</b>	<b>11.581.650.058</b>	<b>44.670.554.760</b>	<b>12.392.597.370</b>	<b>29.950.916.018</b>	<b>816.092.460</b>	<b>(41.794.537)</b>	<b>(5.145.148)</b>	<b>44.670.554.760</b>	<b>12.392.597.370</b>
- DIC	HOSE 9 9	9.490	9.490	6.270	5.240	85.411	85.411	56.430	47.160	-	-	(28.981)	(38.251)	56.430	47.160
- HAI	HOSE 8 8	11.019	11.019	7.360	3.370	88.152	88.152	58.880	26.960	-	-	(29.272)	(61.192)	58.880	26.960
- HTI	HOSE 8 8	22.703	22.703	15.550	20.500	181.622	181.622	124.400	164.000	-	-	(57.222)	(17.622)	124.400	164.000
- ITC	HOSE 5 5	32.000	32.000	14.200	10.450	160.000	160.000	71.000	52.250	-	-	(89.000)	(107.750)	71.000	52.250
- PIT	HOSE 6 6	11.333	11.333	6.350	7.900	68.000	68.000	38.100	47.400	-	-	(29.900)	(20.600)	38.100	47.400
- PVD	HOSE 2 2	15.951	21.732	23.350	20.700	31.902	43.463	46.700	41.400	14.798	-	-	(2.063)	46.700	41.400
- REE	HOSE 4 4	24.417	23.585	41.500	24.650	97.669	94.340	166.000	98.600	68.331	4.260	-	-	166.000	98.600
- SPC	HOSE 2 2	46.500	46.500	26.800	28.000	93.000	93.000	53.600	56.000	-	-	(39.400)	(37.000)	53.600	56.000
- TCM	HOSE 2 2	17.900	17.900	28.550	14.500	35.800	35.800	57.100	29.000	21.300	-	-	(6.800)	57.100	29.000
- TCR	HOSE 6 6	8.800	8.800	3.330	4.350	52.800	52.800	19.980	26.100	-	-	(32.820)	(26.700)	19.980	26.100
- TNA	HOSE 13 3	46.338	20.100	35.500	57.500	602.389	60.300	458.900	172.500	-	112.200	-	(143.489)	458.900	172.500
- VTH	HOSE 1.500	14.018	10.800	-	-	-	21.027.170	-	16.200.000	-	-	-	(4.827.170)	-	16.200.000
- SAM	HOSE 629.042 1.559.960	6.336	8.500	7.330	9.100	3.985.735.000	11.559.660.000	4.610.877.860	12.375.636.000	625.142.860	815.976.000	-	-	4.610.877.860	12.375.636.000
- BMP	HOSE	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- SHA	HOSE	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- VNS	HOSE 2.660	21.118	15.450	-	-	56.174.082	-	41.097.000	-	-	-	(15.077.082)	-	41.097.000	-
- ATS	HNX 629.000	15.100	61.700	9.497.900.000	-	38.809.300.000	-	29.311.400.000	-	-	-	-	-	38.809.300.000	-
- PET	HOSE 10	10.997	11.800	109.974	-	118.000	-	8.026	-	-	-	-	-	118.000	-
- PPC	HOSE 20	22.275	22.750	445.500	-	455.000	-	9.500	-	-	-	-	-	455.000	-
- FCN	HOSE 420	24.975	24.300	10.489.500	-	10.206.000	-	-	-	-	-	(283.500)	-	10.206.000	-
- PLX	HOSE 220	67.551	75.000	14.861.283	-	16.500.000	-	1.638.717	-	-	-	-	-	16.500.000	-
- SDD	HNX 15.700	2.300	2.000	36.110.000	-	31.400.000	-	-	-	-	-	(4.710.000)	-	31.400.000	-
- KSD	HNX 18.200	3.282	3.200	59.723.333	-	58.240.000	-	-	-	-	-	(1.483.333)	-	58.240.000	-
- CMS	HNX 10.500	5.881	4.800	61.750.000	-	50.400.000	-	-	-	-	-	(11.350.000)	-	50.400.000	-
- FLC	HOSE 40.220	7.153	6.980	287.695.400	-	280.735.600	-	-	-	-	-	(6.959.800)	-	280.735.600	-
- STB	HOSE 26.220	12.906	12.850	338.407.738	-	336.927.000	-	-	-	-	-	(1.480.738)	-	336.927.000	-
- NTL	HOSE 38.820	10.575	10.900	410.534.724	-	423.138.000	-	-	-	12.603.276	-	-	-	423.138.000	-
- SCR	HOSE 1	-	9.210	-	-	-	-	9.210	-	9.210	-	-	-	9.210	-
<b>Cổ phiếu UPCOM</b>		<b>108.250</b>	<b>14.700</b>	<b>98.800</b>	<b>14.500</b>	<b>131.477.541.690</b>	<b>147.000</b>	<b>117.626.303.000</b>	<b>145.000</b>	<b>-</b>	<b>(13.851.238.690)</b>	<b>(2.000)</b>	<b>117.626.303.000</b>	<b>145.000</b>	
- HBD	Upcom 10 10	14.700	14.700	13.300	14.500	147.000	147.000	133.000	145.000	-	-	(14.000)	(2.000)	133.000	145.000
- DGV	Upcom 49.100	7.828	6.700	384.357.381	-	328.970.000	-	-	-	-	-	(55.387.381)	-	328.970.000	-
- MGG	Upcom 926.680	52.088	50.000	48.268.949.120	-	46.334.000.000	-	-	-	-	-	(1.934.949.120)	-	46.334.000.000	-
- HAF	Upcom 2.464.000	33.614	28.800	82.624.088.189	-	70.963.200.000	-	-	-	-	-	(11.660.888.189)	-	70.963.200.000	-
<b>Cổ phiếu hủy niêm yết</b>		<b>15.545</b>	<b>15.545</b>	<b>1.800</b>	<b>1.800</b>	<b>513.000</b>	<b>513.000</b>	<b>59.400</b>	<b>59.400</b>	<b>-</b>	<b>(453.600)</b>	<b>(453.600)</b>	<b>59.400</b>	<b>59.400</b>	
- CTC	DCCNY 33 33	15.545	15.545	1.800	1.800	513.000	513.000	59.400	59.400	-	-	(453.600)	(453.600)	59.400	59.400



e) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường (Theo phương pháp hạch toán tài sản tài chính đánh giá lại)

	Số lượng		Đơn giá trên sổ sách		Đơn giá thị trường		Giá mua		Giá trị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
AFS							100.253.027.112	77.780.308.432	100.253.027.112	77.780.308.432					100.253.027.112	77.780.308.432
Cổ phiếu chưa niêm yết			36.111	25.000			100.253.027.112	77.780.308.432	100.253.027.112	77.780.308.432					100.253.027.112	77.780.308.432
- Công ty Cổ phần May Đức Giang		926.980						25.569.800.000		25.569.800.000						25.569.800.000
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội		500.000						15.000.000.000		15.000.000.000						15.000.000.000
- Công ty Cổ phần Điện máy	100.000	100.000					3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000					3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty Cổ phần Khu Nghi Đường & Sân Golf Đầm Vạc	120.046	39.195					32.253.027.112	9.210.508.432	32.253.027.112	9.210.508.432					32.253.027.112	9.210.508.432
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	1.800.000	1.000.000	36.111	25.000			65.000.000.000	25.000.000.000	65.000.000.000	25.000.000.000					65.000.000.000	25.000.000.000
			616.788	302.925	577.430	233.360	246.492.515.081	89.362.618.490	262.549.944.272	90.173.110.202	29.950.916.018	816.092.460	(13.893.486.827)	(5.600.748)	262.549.944.272	90.173.110.202

Ghi chú:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày 31/12/2017. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thuộc tài sản tài chính sẵn sàng để bán do không thu thập được báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại nên ước tính giá trị hợp lý bằng giá gốc của khoản đầu tư.
- Chênh lệch đánh giá tăng và chênh lệch đánh giá giảm của các cổ phiếu tại ngày 01/01/2017 chỉ được tính toán cho mục đích trình bày báo cáo quy định tại Thông tư số 334/2016/TT-BTC và Thông tư số 210/2014/TT-BTC mà không được ghi nhận và điều chỉnh báo số trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

11/1/18

01/1/18



6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	5.366.041.706	-
Dự phòng giảm giá tài sản tài chính	-	5.600.748
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>5.366.041.706</b>	<b>5.600.748</b>

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

a) Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	709.280.000	1.553.134.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	920.803.359	1.044.303.889
Phải thu lãi hoạt động Margin	1.456.785.430	923.774.484
Phải thu lãi hoạt động ứng trước tiền bán	1.141.298	887.086
Ứng trước cho người bán ngắn hạn	44.058.132.470	66.901.538
- Ứng trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố Wall (*)	44.000.000.000	-
- Ứng trước cho các đối tượng khác	58.132.470	66.901.538
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	420.022.227	231.752.982
- Phải thu về hoạt động môi giới chứng khoán	11.277.028	6.451.209
- Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	197.500.000	106.750.000
- Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	204.940.869	118.551.773
- Phải thu các dịch vụ khác	6.304.330	-
Phải thu khác	1.351.396.572	22.342.784
- Phải thu về tiền ứng về quyền mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần May Đức Giang	1.335.960.000	-
- Phải thu khác	15.436.572	22.342.784
	<b>48.917.561.356</b>	<b>3.843.096.763</b>

b) Các khoản phải thu dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ứng trước cho người bán dài hạn (*)	-	44.000.000.000
	<b>-</b>	<b>44.000.000.000</b>

(\*) Đây là khoản tiền ứng trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố Wall để đầu tư Trung tâm Thương mại, Văn phòng và Căn hộ ở tại 52 Ngọc Lâm - Quận Long Biên, Hà Nội. Trung tâm này sẽ được sử dụng cho hoạt động Văn phòng và kinh doanh chứng khoán của Công ty với thời hạn bàn giao nhà là 36 tháng kể từ ngày 28/12/2015.

8 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tại ngày 01/01	60.000.000	50.000.000
Trích lập	-	10.000.000
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>

**9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	51.173.677	27.374.997
	<b><u>51.173.677</u></b>	<b><u>27.374.997</u></b>

**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền thuê nhà tầng 9 tòa nhà ICON 4 trả trước (*)	11.935.828.864	12.397.860.952
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	87.856.710	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	28.887.479	119.042.284
	<b><u>12.052.573.053</u></b>	<b><u>12.516.903.236</u></b>

(\*) Chi phí thuê 720 m2 tầng 7 và tầng 9 tòa nhà Icon 4, số 243 Đê La Thành, Hà Nội của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4. Thời hạn thuê từ ngày 01/09/2012 đến 15/10/2043.

Sau ngày 15/10/2043, khi giấy phép giao sử dụng đất hết hạn, nếu không có quyết định thu hồi đất của Nhà nước, Bên cho thuê được Nhà nước tiếp tục gia hạn thuê đất tiếp sau ngày 15/10/2043 hoặc được giao đất, hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall sẽ được tiếp tục thuê diện tích tòa nhà mà không phải trả bất kỳ khoản chi phí nào khác. Công ty Cổ phần Chứng khoán phố Wall sẽ là đồng chủ sở hữu với chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4 và chi phải trả tiền thuê đất hàng năm cho Nhà nước hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

**10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	11.830.431.760	11.830.431.760
	<b><u>11.830.431.760</u></b>	<b><u>11.830.431.760</u></b>

**11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	14.000.000.000	14.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố WALL	14.000.000.000	14.000.000.000
	<b><u>14.000.000.000</u></b>	<b><u>14.000.000.000</u></b>

105  
3 T  
M H  
E M  
A S  
E M

3  
\*

**Đầu tư dài hạn khác**

Thông tin chi tiết về đầu tư dài hạn khác của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố Wall	Số 85 Mã Mây, Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội	14,00%	14,00%	Đầu tư, Kinh doanh Bất động sản

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2017	2.780.606.468	4.706.921.952	1.997.377.248	9.484.905.668
Thanh lý, nhượng bán	(597.380.952)	-	-	(597.380.952)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>2.183.225.516</b>	<b>4.706.921.952</b>	<b>1.997.377.248</b>	<b>8.887.524.716</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2017	2.780.606.468	4.035.585.506	1.997.377.248	8.813.569.222
Khấu hao trong năm	-	177.808.697	-	177.808.697
Thanh lý, nhượng bán	(597.380.952)	-	-	(597.380.952)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>2.183.225.516</b>	<b>4.213.394.203</b>	<b>1.997.377.248</b>	<b>8.393.996.967</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2017	-	671.336.446	-	671.336.446
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>-</b>	<b>493.527.749</b>	<b>-</b>	<b>493.527.749</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.820.672.716 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm giao dịch, kế toán có tổng nguyên giá là 2.719.799.300 đồng, và giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2017 là 2.544.133.869 đồng, trong đó khấu hao trong năm là 134.838.196 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÓ WALL**

Số 243A Đề La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**14 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	1.863.956.667	1.863.956.667
Tiền nộp bổ sung	852.994.622	831.718.132
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.169.661.651	957.642.183
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.886.612.940</b>	<b>3.653.316.982</b>

**15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	01/01/2017	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	238.000.000.000	(195.000.000.000)	43.000.000.000
Vay ngân hàng	-	238.000.000.000	(195.000.000.000)	43.000.000.000
	-	<b>238.000.000.000</b>	<b>(195.000.000.000)</b>	<b>43.000.000.000</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Hàng Đậu như sau:

Hợp đồng tín dụng số 132159 /2017/HĐTD-BacABank ngày 22/12/2017, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Giá trị hạn mức cho vay theo Hợp đồng: 55.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Cung cấp dịch vụ tài chính cho khách hàng công ty chứng khoán;
- + Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 22/12/2017 đến 22/12/2018;
- + Lãi suất cho vay: 7,5%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Là 8 hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn giá trị 55.638.599.907 đồng tại Ngân hàng TMCP Bắc Á; Các giao dịch đảm bảo bao gồm các thỏa thuận chi tiết về tài sản đảm bảo, quyền, nghĩa vụ của các bên và các nội dung khác liên quan đến biện pháp đảm bảo thực hiện theo quy định tại Hợp đồng cầm cố hợp đồng tiền gửi số 1202405 ký ngày 24/05/2017, Hợp đồng cầm cố hợp đồng tiền gửi số 1202202 ký ngày 22/02/2017, Hợp đồng cầm cố hợp đồng tiền gửi số 1201605 ký ngày 16/05/2017 và Hợp đồng cầm cố hợp đồng tiền gửi số 1202906 ký ngày 29/06/2017 giữa bên Cho vay và bên Vay; Các tài sản là Sổ tiết kiệm, bất động sản, ô tô, hàng hóa, quyền đòi nợ, và các tài sản đảm bảo khác được các bên thỏa thuận sử dụng đảm bảo cho nghĩa vụ nợ.

**16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 4 (ICON4)	50.116.205	527.841.138
Phải trả về mua chứng khoán tự doanh	221.875.000	-
Phải trả các đối tượng khác	79.789.438	108.886.161
	<b>351.780.643</b>	<b>636.727.299</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Số 243A Đề La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	29.748.709	14.165.043
Thuế Thu nhập cá nhân	433.202.606	258.591.938
	<b>462.951.315</b>	<b>272.756.981</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trích trước chi phí dịch vụ tòa nhà ICON 4 và các dịch vụ khác	132.182.199	141.832.241
Chi phí lãi vay phải trả	80.342.468	-
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	165.097.414	103.467.843
	<b>377.622.081</b>	<b>245.300.084</b>

**19 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.098.600.796	1.098.600.796
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.592.955	3.592.955
	<b>1.102.193.751</b>	<b>1.102.193.751</b>

**20 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU****a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2017 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2017 VND
Ông Nguyễn Đình Tú	22,47%	113.000.000.000	22,47%	113.000.000.000
Bà Phạm Diễm Hoa	5,80%	29.200.000.000	5,80%	29.200.000.000
Cổ đông khác	71,73%	360.800.000.000	71,73%	360.800.000.000
	<b>100%</b>	<b>503.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>503.000.000.000</b>

**b) Lợi nhuận chưa phân phối**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	19.690.394.972	20.619.402.665
Lợi nhuận chưa thực hiện	16.057.725.856	(15.029)
	<b>35.748.120.828</b>	<b>20.619.387.636</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	20.619.402.665	15.665.569.820
Lỗ đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	(929.007.693)	4.953.832.845
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	19.690.394.972	20.619.402.665
<b>Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính</b>	<b>19.690.394.972</b>	<b>20.619.402.665</b>

**d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	503.000.000.000	503.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	503.000.000.000	503.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	503.000.000.000	503.000.000.000

**f) Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.300.000	50.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.300.000	50.300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.300.000	50.300.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.300.000	50.300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.300.000	50.300.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**21 . THUYẾT MINH CÁC TÀI KHOẢN LOẠI 0**

	31/12/2017	01/01/2017
Ngoại tệ các loại		
- USD	15.703,42	753,27
- EURO	85,39	85,39

**22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	48.318.480.000	13.615.250.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	176.900.000	698.000.000
	<b>48.495.380.000</b>	<b>14.313.250.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Số 243A Đề La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	20.200.460.000	25.662.080.000
	<b>20.200.460.000</b>	<b>25.662.080.000</b>

**24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	841.436.540.000	745.921.340.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	2.688.000.000	27.084.760.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	38.409.530.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	3.121.800.000	4.888.500.000
	<b>885.655.870.000</b>	<b>777.894.600.000</b>

**25 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.081.310.000	-
	<b>1.081.310.000</b>	<b>-</b>

**26 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	-	1.613.570.000
	<b>-</b>	<b>1.613.570.000</b>

05.  
TY  
HỮU  
M T  
SC  
M-TT

27 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</b>	<b>52.815.005.128</b>	<b>15.881.219.602</b>
1. Nhà đầu tư trong nước	52.632.067.035	15.728.238.781
2. Nhà đầu tư nước ngoài	182.938.093	152.980.821
<b>Tiền gửi của tổ chức phát hành</b>	<b>1.027.699</b>	<b>1.370.719</b>
1. Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh đại lý phát hành	610.380	10.080
2. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	417.319	1.360.639
	<b>52.816.032.827</b>	<b>15.882.590.321</b>

28 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</b>	<b>52.815.005.128</b>	<b>15.881.219.602</b>
1.1 Nhà đầu tư trong nước	52.632.067.035	15.728.238.781
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	182.938.093	152.980.821
	<b>52.815.005.128</b>	<b>15.881.219.602</b>

29 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	417.319	1.360.639
	<b>417.319</b>	<b>1.360.639</b>

30 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>1. Phải trả nghiệp vụ margin</b>	<b>25.800.157.328</b>	<b>14.665.211.525</b>
1.1 Phải trả gốc margin	24.343.371.898	13.741.437.041
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>24.343.371.898</i>	<i>13.741.437.041</i>
<i>Nhà đầu tư nước ngoài</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.2 Phải trả lãi margin	1.456.785.430	923.774.484
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>1.456.785.430</i>	<i>923.774.484</i>
<b>2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán</b>	<b>565.790.288</b>	<b>444.452.852</b>
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	564.648.990	443.565.766
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>564.648.990</i>	<i>443.565.766</i>
2.2 Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	1.141.298	887.086
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>1.141.298</i>	<i>887.086</i>
	<b>26.365.947.616</b>	<b>15.109.664.377</b>



31 . THU NHẬP

a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
				Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
				VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết		56.380.171.089	54.504.689.598	2.369.112.406	12.841.369.615	4.609.001.960	2.217.822.292
- Sàn Hà Nội	175.800	1.890.826.667	1.869.153.837	34.788.095	33.801.932	81.810.455	93.093.285
- Sàn TP. Hồ Chí Minh	2.746.960	34.446.044.603	32.591.575.942	2.294.011.511	197.653.253	4.524.223.886	1.875.361.388
- Sàn Upcom	728.300	20.043.299.819	20.043.959.819	40.312.800	12.609.914.430	2.967.619	249.367.619
	<b>3.651.060</b>	<b>56.380.171.089</b>	<b>54.504.689.598</b>	<b>2.369.112.406</b>	<b>12.841.369.615</b>	<b>4.609.001.960</b>	<b>2.217.822.292</b>

## b) Cổ tức và tiền lãi sát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	13.899.700	17.711.550
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	15.500.873.922	19.271.610.255
Từ các khoản cho vay	3.878.690.610	3.485.348.064
Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	2.780.940.000	3.754.261.756
	<b>22.174.404.232</b>	<b>26.528.931.625</b>

## 32 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	339.080	323.182
- <i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>339.080</i>	<i>323.182</i>
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	244.045.553	356.210.951
	<b>244.384.633</b>	<b>356.534.133</b>

## 33 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	249.468	338.211
- <i>Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện</i>	<i>222.082</i>	-
- <i>Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>27.386</i>	338.211
Chi phí lãi vay	1.069.818.016	181.225.408
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	(12.155.593)
	<b>1.070.067.484</b>	<b>169.408.026</b>

**34 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	2.910.536.921	2.955.879.955
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	215.219.309	225.893.415
Chi phí công cụ, dụng cụ, vật tư văn phòng	566.489.072	553.465.667
Chi phí khấu hao TSCĐ	301.119.113	784.182.448
Chi phí thuế, phí và lệ phí	300.070.573	393.077.022
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.562.108.246	2.519.643.175
Chi phí khác	242.632.971	323.708.439
	<b>7.098.176.205</b>	<b>7.755.850.121</b>

**35 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.000.000	-
Thu nhập từ cho thuê văn phòng	-	240.000.000
Tiền thưởng thu được	-	50.000.000
Các khoản khác	-	50.015.000
	<b>1.000.000</b>	<b>340.015.000</b>

**36 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí cho thuê văn phòng	-	29.946.528
Xử lý công nợ không thu hồi được	21.266.811	5.184.590
Các khoản bị phạt	6.001.473	1.477.400
Chi phí ứng hộ	925.000.000	-
Các khoản khác	1.619.817	-
	<b>953.888.101</b>	<b>36.608.518</b>

37 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.128.733.192	4.953.817.816
Các khoản điều chỉnh tăng	15.095.161.001	760.740.138
- Chi phí khấu hao xe ô tô Mercedes Ben S500 trên 1,6 tỷ	-	507.114.857
- Thu nhập của HDQT không trực tiếp điều hành	270.645.315	246.625.080
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	27.386	338.211
- Xử lý công nợ không thu hồi được	-	5.184.590
- Ủng hộ	925.000.000	-
- Lỗi đánh giá lại các tài sản tài chính tại 31/12/2017	13.893.486.827	-
- Chi phí phạt hành chính	6.001.473	1.477.400
Các khoản điều chỉnh giảm	(36.135.626.755)	(9.104.079.082)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.794.839.700)	(3.771.973.306)
- Chuyển lỗ các năm trước	(3.389.521.128)	(5.331.782.594)
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(349.909)	(323.182)
- Lãi đánh giá lại các tài sản tài chính tại 31.12.2017	(29.950.916.018)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(5.911.732.562)	(3.389.521.128)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(11.830.431.760)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>(11.830.431.760)</b>	<b>-</b>

38 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	15.128.733.192	4.953.817.816
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.128.733.192	4.953.817.816
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	50.300.000	50.300.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>301</b>	<b>98</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**39 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	159.308.516.292	-	67.335.932.739	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	162.296.917.160	-	11.582.310.058	(5.600.748)
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	60.401.181.945	-	274.000.000.000	-
Các khoản cho vay	24.908.020.888	(5.366.041.706)	14.185.002.807	-
Các khoản phải thu	48.859.428.886	(60.000.000)	47.776.195.225	(60.000.000)
	<b>455.774.065.171</b>	<b>(5.426.041.706)</b>	<b>414.879.440.829</b>	<b>(65.600.748)</b>
			31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			43.000.000.000	-
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác			1.453.974.394	1.738.921.050
Chi phí phải trả			377.622.081	245.300.084
			<b>44.831.596.475</b>	<b>1.984.221.134</b>

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

## Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	162.296.917.160	-	-	162.296.917.160
	<u>162.296.917.160</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>162.296.917.160</u>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	11.576.709.310	-	-	11.576.709.310
	<u>11.576.709.310</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>11.576.709.310</u>

## Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

## Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÓ WALL**

Số 243A Đề La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	159.308.516.292	-	-	159.308.516.292
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	60.401.181.945	-	-	60.401.181.945
Các khoản cho vay	19.541.979.182	-	-	19.541.979.182
Các khoản phải thu	48.799.428.886	-	-	48.799.428.886
	<b>288.051.106.305</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>288.051.106.305</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.335.932.739	-	-	67.335.932.739
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	274.000.000.000	-	-	274.000.000.000
Các khoản cho vay	14.185.002.807	-	-	14.185.002.807
Các khoản phải thu	3.716.195.225	44.000.000.000	-	47.716.195.225
	<b>359.237.130.771</b>	<b>44.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>403.237.130.771</b>

31  
CÔP  
HÀNH  
G K I  
A A  
TIỀN

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Vay và nợ	43.000.000.000	-	-	43.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	1.453.974.394	-	-	1.453.974.394
Chi phí phải trả	377.622.081	-	-	377.622.081
	<b>44.831.596.475</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>44.831.596.475</b>

31  
CÔP  
HÀNH  
G K I  
A A  
TIỀN

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	1.738.921.050	-	-	1.738.921.050
Chi phí phải trả	245.300.084	-	-	245.300.084
	<b>1.984.221.134</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.984.221.134</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

10.  
ST  
H  
MT  
SC  
TP.



**41 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**  
**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phần	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	4.544.135.041	35.114.868.124	22.398.869.814	62.057.872.979	62.057.872.979
Chi phí hoạt động	4.619.488.212	32.233.922.209	1.198.982.209	38.052.392.630	38.052.392.630
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	244.384.633	244.384.633
Chi phí không phân bổ	-	-	-	8.168.243.689	8.168.243.689
<b>Kết quả hoạt động</b>	<b>(75.353.171)</b>	<b>2.880.945.915</b>	<b>21.199.887.605</b>	<b>16.081.621.293</b>	<b>16.081.621.293</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	3.886.612.940	263.259.224.272	102.107.955.147	369.253.792.359	369.253.792.359
Tài sản không phân bổ	-	-	224.297.286.923	224.297.286.923	224.297.286.923
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.886.612.940</b>	<b>263.259.224.272</b>	<b>326.405.242.070</b>	<b>593.551.079.282</b>	<b>593.551.079.282</b>
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	46.449.353.339	46.449.353.339	46.449.353.339
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>46.449.353.339</b>	<b>46.449.353.339</b>	<b>46.449.353.339</b>

**Theo khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**42 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
<b>Chuyển nhượng khoản đầu tư</b>			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố WALL	Khoản đầu tư khác	23.042.518.680	-

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	309.913.377	293.236.716
Thu nhập của thành viên HĐQT, BKS và nhà quản lý khác	609.831.374	684.408.208

**43 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Từ 01/01/2017, Luật Kế toán cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên Công ty áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trong ghi nhận giá trị tài sản tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 01/01/2017, Báo cáo kết quả hoạt động và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được điều chỉnh hồi tố do đó số liệu so sánh trên các Báo cáo này là không thể so sánh được.



Nguyễn Thị Trang  
Người lập



Nguyễn Thị Trang  
Kế toán trưởng




Nguyễn Đăng Trường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2018

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

*Hà Nội, Ngày 16 Tháng 04 năm 2018*

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**Nguyễn Đình Tú**